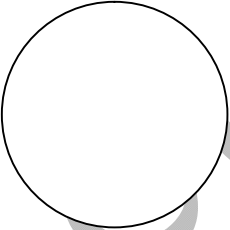
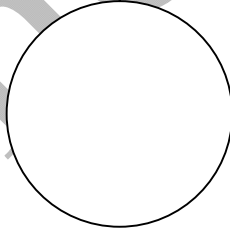



<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học.</li> <li>- Giậm chân tại chỗ, đếm to theo nhịp.</li> <li>- Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc.</li>   <li>- Chuyển sang đội hình vòng tròn.</li> <li>- Vừa đi vừa hít thở sâu.</li> <li>- Xoay các khớp tay, chân.</li> </ul>		<p style="text-align: center;">X X</p> 
<p><b>II- Phần cơ bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chơi “Bịt mắt bắt dê”.</li> <li>- Nhắc lại cách chơi.</li> <li>- Trò chơi “Nhóm ba nhóm bảy”.</li> <li>- GV nêu tên trò chơi, cùng HS nhắc lại cách chơi.</li> </ul>	<b>20 phút</b>	
<p><b>III- Phần kết thúc:</b></p>	<b>8 phút</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi đều 2- 4 hàng dọc và hát.</li> <li>- Nhảy thả lỏng.</li> <li>- GV cùng HS hệ thống lại bài.</li> <li>- Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.</li> </ul>		<p style="text-align: center;">X X</p> 

## SINH HOẠT LỚP TUẦN 19

**A- Mục tiêu:**

**1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 19:**

**a)- Ưu:**

- Thi HKI nghiêm túc.
- Một số em tiến bộ.
- Chấp hành tốt luật lệ giao thông.

**b)- Khuyết:**

- Chưa sắm đủ đồ dùng học tập, sách, vở của HKII.
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

**2- Mục tiêu:**

- Ngày 09/01/1950: ngày truyền thống học sinh – sinh viên.

- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

**B- Nội dung:**

**1- Hoạt động trong lớp:**

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 09/01/1950: Ngày truyền thống HS- SV.

Nghe, nhắc lại  
(Cá nhân, đồng  
thanh).

- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

GV hát mẫu → từng câu.

Hát cả bài.

Lớp đồng thanh  
hát.

**2- Hoạt động ngoài trời:**

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.

- Chơi trò chơi: Đi chợ, vòng tròn, bỏ khăn và chim sỏ lông.

**C- Phương hướng tuần 20:**

- Nhắc HS mua sắm đủ đồ dùng học tập, sách, vở của HKII.

- Duy trì phòng trào “Đôi bạn cùng tiến”; “Vở sạch chữ đẹp”.

- Giáo dục HS thực hiện tốt “ Vệ sinh an toàn thực phẩm”.

- Đi học đều, đúng giờ.

- Chuẩn bị đầy đủ sách vở trước khi đi học.

## TUẦN 20

Thứ hai ngày 21 tháng 01 năm 2008

### TẬP ĐỌC. Tiết 58 + 59 ÔNG MẠNH THẮNG THẦN GIÓ

#### A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn cả bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.
- Biết đọc phân biệt lời người dẫn truyện, lời nhân vật.
- Hiểu những từ ngữ khó: đồng bằng, hoành hành,...
- Hiểu nội dung bài: Ông Mạnh tượng trưng cho con người, Thần Gió tượng trưng cho thiên nhiên. Con người chiến thắng thần gió, chiến thắng thiên nhiên nhờ quyết tâm và lao động. Nhưng con người cũng cần “kết bạn” với thiên nhiên, sống nhân ái, hòa thuận với thiên nhiên.
- HS yếu: Đọc trơn cả bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.

#### B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Thu trung thu.  
Nhận xét- Ghi điểm.

Đọc và trả lời câu hỏi (3 HS).

**II- Hoạt động 2 (70 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay, các em sẽ đọc truyện “Ông Mạnh thắng Thần Gió. Qua truyện này các em sẽ thấy con người rất tài giỏi, thông minh và mạnh mẽ → Ghi.

#### 2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Hướng dẫn HS đọc từ khó: lăn quay, lồm cồm, quát, ngạo nghễ,...
- Hướng dẫn HS cách đọc.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn đến hết.
- Từ mới: đồng bằng, hoành hành, ngạo nghễ, vũng chài, dẫn, ăn năn.
- Hướng dẫn HS đọc đoạn.

HS nghe.  
Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng thanh.

Nói tiếp.  
Giải nghĩa cá nhân.  
Theo nhóm(HS yếu luyện đọc nhiều.)  
Đoạn (đồng thanh).  
Đồng thanh.

- Thi đọc giữa các nhóm.

- Cả lớp đọc toàn bài.

#### Tiết 2

#### 3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- Thần Gió đã làm gì khiến ông Mạnh nổi giận?

Xô ông ngã lăn quay, ông nổi giận. Thần Gió

- Kể việc làm của ông Mạnh chống lại thần Gió?
- Hình ảnh nào chứng tỏ thần Gió phải bó tay?
- Ông Mạnh đã làm gì để thần Gió trở thành bạn của mình?
- Ông Mạnh tượng trưng cho ai?
- Thần Gió tượng trưng cho cái gì?
- Gọi HS đọc toàn bài.

#### 4- Luyện đọc lại:

- Hướng dẫn HS đọc theo vai.
- Nhận xét- Ghi điểm.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò.

- Để sống hòa thuận thân ái với thiên nhiên các em làm gì?
- Về nhà đọc lại bài, trả lời câu hỏi- Nhận xét.

cười ngạo nghệ...  
Vào rừng lấy gỗ,  
cả 3 lần đều bị  
quạt ngã...  
Hình ảnh cây cối  
xung  
quanh... vững  
chãi.  
Thần Gió đến nhà  
ông có vẻ ăn  
năn...các loài hoa  
Con người.  
Thiên nhiên.  
Cá nhân.

3- 4 nhóm.

Yêu thiên nhiên,  
bảo vệ thiên  
nhiên...

## TOÁN. Tiết: 96 BẢNG NHÂN 3

#### A- Mục tiêu:

- Lập bảng nhân 3 và học thuộc lòng bảng nhân 3.
- Thực hành nhân 3, giải bài toán và đếm thêm 3.
- HS yếu: Học thuộc bảng nhân 3 và thực hành nhân 3.

**B- Đồ dùng dạy học:** Các tấm bìa, mỗi tấm có 3 chấm tròn.

#### C- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$2 \text{ cm} \times 6 = 12 \text{ cm.}$$

$$2 \text{ cm} \times 4 = 8 \text{ cm.}$$

BT 3/7.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS lập bảng nhân 3:**

Bảng lớp.

- Giới thiệu các tấm bìa.
- Lấy 1 tấm bìa gắn lên bảng: Mỗi tấm bìa có 3 chấm tròn, ta lấy 1 tấm bìa, tức là 3 được lấy 1 lần.

Viết:  $3 \times 1 = 3$ .

Tương tự: lấy 2 tấm bìa, mỗi tấm bìa có 3 chấm tròn, tức là 3 được lấy 2 lần.

Viết:  $3 \times 2 = 6$ .

Tương tự cho đến  $3 \times 10 = 30$ .

HS đọc.

HS đọc.  
Hướng dẫn HS học thuộc lòng bảng nhân 3.

### 3- Thực hành:

- BT 1/8: hướng dẫn HS làm:

$$3 \times 2 = 6$$

$$3 \times 5 = 15$$

$$3 \times 8 = 24$$

$$3 \times 1 = 3$$

$$3 \times 3 = 9$$

$$3 \times 7 = 21$$

- BT 2/8: Hướng dẫn HS làm:

Tóm tắt:

1 can: 3 l

9 can: ? l

**Giải:**

Số lít 9 can có là:

$$3 \times 9 = 27 \text{ (l)}$$

ĐS: 27 l

Miệng- Nhận xét.  
HS yêu làm bảng lớp.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét.  
Tự chấm vở.

- BT 3/8: Hướng dẫn HS làm:

Thứ tự điền: 6, 18, 21, 27, 30.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS đọc bảng nhân 3.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Nhóm. ĐD làm.  
Nhận xét.

Thứ ba ngày 22 tháng 01 năm 2008

TOÁN. Tiết: 97

LUYỆN TẬP

### A- Mục tiêu:

- Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 3 qua thực hành tính.
- Giải bài toán đơn về nhân 3. Tìm các số thích hợp của dãy số.
- HS yêu: Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 3 qua thực hành tính.

### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$2 \times 3 = 3 \times \boxed{2}$$

- BT 2/8.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

Bảng con (2 HS).

1- **Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- **Luyện tập:**

- BT 1/9: Hướng dẫn HS làm:

$$3 \xrightarrow{\times 4} 12 ; 3 \xrightarrow{\times 7} 21$$

$$3 \xrightarrow{\times 6} 18 ; 3 \xrightarrow{\times 9} 27$$

- BT 3/9: Hướng dẫn HS tóm tắt và giải:

**Tóm tắt:**

1 đĩa: 3 quả cam.

10 đĩa: ? quả cam

**Giải:**

Số quả cam 10 đĩa có là:

$$3 \times 10 = 30 \text{ (quả)}$$

ĐS: 30 quả

- BT 4/9: Hướng dẫn HS làm:

a- 4, 6, 8, 10, 12, 14.

b- 9, 12, 15, 18, 21, 24.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 5/9.

- Giao BTVN: BT 2/9.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Miệng. HS yếu làm bảng lớp.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét, bổ sung. Đổi vở chấm.

Bảng con. Nhận xét.

2 nhóm. Nhận xét.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 39 GIÓ

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Nghe, viết chính xác, không mắc lỗi bài thơ “Gió”.

- Biết trình bày bài thơ 7 chữ với 2 khổ thơ,

- Viết đúng và nhớ cách viết những tiếng có âm, vần dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương: s/x; iê/iêc.

- HS yếu: Có thể cho tập chép.

**B- Đồ dùng dạy học:** Viết sẵn BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: nặng nề, lặng lẽ, no nê,...

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

1- **Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu tiết học → Ghi.

2- **Hướng dẫn viết chính tả:**

- GV đọc bài.

Bảng lớp và bảng con (3 HS).

2 HS đọc lại.

+Gió thích những gì?	Chơi thân với mọi người.
+Nêu những hoạt động của gió?	Cù mèo mướp, rù ông mật đến... 2 khổ, 4 câu, 7 chữ.
- Bài viết có mấy khổ thơ? Mỗi khổ có mấy câu? Mỗi câu có mấy chữ?	Gió, rắt, rù, ru, điều.
- Những chữ nào bắt đầu bằng r, d, gi?	Ồ, khẽ, rù, bầy,... Bảng con. Viết vở.
- Những chữ nào có dấu ?, ~, ?.	Đổi vở chấm.
- Luyện viết từ khó: gió, khẽ, quả,...	Bảng con.
- GV đọc từng cụm từ.	2 nhóm. ĐD làm. Nhận xét.
<b>3- Chấm, chữa bài:</b>	
- Hướng dẫn HS dò lỗi.	
- Chấm bài: 5- 7 bài.	
<b>4- Hướng dẫn làm BT:</b>	
- BT 1b/6: Hướng dẫn HS làm:	
b- Làm việc, bữa tiệc. Thời tiết, thương tiếc.	
- BT 2a/6: Hướng dẫn HS làm:	
a- Mùa xuân, giọt nước.	
<b>III- Hoạt động 3 (5 phút):</b> Củng cố- Dặn dò.	
- Cho HS viết: Hoa súng, làm việc.	
- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.	

## KỂ CHUYỆN. Tiết: 20 ÔNG MẠNH THẮNG THÀN GIÓ

### A- Mục đích yêu cầu:

- Biết sắp xếp lại thứ tự các tranh theo đúng nội dung truyện.
- Kể lại được từng đoạn câu chuyện với giọng kể tự nhiên, kết hợp điệu bộ, cử chỉ nét mặt.
- Đặt được tên khác phù hợp với nội dung câu chuyện.
- Chăm chú nghe bạn kể chuyện và biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.
- HS yếu: Biết sắp xếp lại thứ tự các tranh theo đúng nội dung truyện. Kể lại được một vài đoạn câu chuyện.

**B- Đồ dùng dạy học:** 4 tranh minh họa câu chuyện trong SGK.

### C- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Chuyện bốn mùa. | 4 HS kể 4 đoạn.  
- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay các em sẽ tập kể lại câu chuyện “Ông Mạnh thắng Thần Gió” → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS kể:**

a- Xếp lại thứ tự các tranh theo đúng nội dung câu chuyện:

- Hướng dẫn HS quan sát tranh.

Gọi HS nêu thứ tự các tranh theo nội dung câu chuyện.

- Hướng dẫn HS kể từng đoạn câu chuyện.

- Yêu cầu HS kể theo nhóm đôi.

- Theo dõi HS kể chuyện.

- Nhận xét.

b- Đặt tên khác cho câu chuyện:

Gợi ý cho HS đặt tên khác cho câu chuyện.

Thần Gió và ngôi nhà nhỏ/Chiến thắng thần Gió/Ai thắng ai?

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô- Dẫn dò.

- Truyện “Ông Mạnh thắng Thần Gió” cho em biết điều gì?

- Về nhà tập kể lại câu chuyện- Nhận xét.

**THỦ CÔNG. Tiết: 20**

**CẮT, GẤP, TRANG TRÍ THIẾP CHÚC MỪNG**

**A- Mục tiêu:**

- HS biết cách cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.

- Cắt, gấp, trang trí thiệp chúc mừng.

- Hứng thú làm thiệp chúc mừng để sử dụng.

- HS yêu: biết cách cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.

**B- Đồ dùng dạy học:** Một số mẫu thiệp chúc mừng.

Quy trình cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng có hình vẽ minh họa cho từng bước. Giấy trắng, kéo, bút, thước,...

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút) :** kiểm tra bài cũ: Nhắc lại quy trình cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Tiết TC hôm nay các em tiếp tục cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng:**

- Gọi HS nhắc lại quy trình cắt, gấp và trang trí thiệp chúc

Quan sát.

4, 2, 3, 1. Nhận xét.

HS tập kể.

ĐD trình bày.

Nhận xét, bổ sung.

HS đặt.

Con người có khả năng chiến thắng thiên nhiên nhờ quyết tâm và lao động.

1 HS nhắc.

HS nhắc lại.



mừng.

- Bước 1: Cắt, gấp thiệp chúc mừng.
- Bước 2: Trang trí thiệp chúc mừng.
- GV tổ chức cho HS thực hành.
- Cho HS trưng bày sản phẩm.
- Đánh giá sản phẩm.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dẫn dò.

- Nhắc lại cách cắt, gấp thiệp chúc mừng sao cho đẹp?
- Về nhà tập cắt, gấp và trang trí lại thiệp chúc mừng- Nhận xét.

Theo nhóm.

Thứ tư ngày 23 tháng 01 năm 2008

**TẬP ĐỌC. Tiết: 60**  
**MÙA XUÂN ĐẾN**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Đọc trơn toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.
- Biết đọc với giọng tươi vui, nhấn giọng ở các từ gợi tả.
- Biết một vài loài cây, loài chim trong bài.
- Hiểu các từ ngữ mới: mận, nòng nọc, khướu,...
- Hiểu ý nghĩa của bài: Ca ngợi vẻ đẹp của mùa xuân.
- HS yếu: Đọc trơn toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Ông Mạnh thắng Thần Gió.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Bài các em học hôm nay- “Mùa xuân đến” sẽ cho các em thấy rõ hơn vẻ đẹp của mùa xuân, sự thay đổi của bầu trời và mặt đất khi mùa xuân đến → Ghi.

**2- Luyện tập:**

- Gv đọc mẫu.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: rục rờ, nảy lộc, nòng nọc, nhanh nhẩu, khướu,...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Rút từ mới: nòng nọc, đom đóm,...
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.

**Đọc và trả lời**  
câu hỏi (2 HS).

HS nghe.  
Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng  
thanh.

Nói tiếp.  
Giải thích.  
Theo nhóm(HS  
yếu đọc nhiều)

- Thi đọc giữa các nhóm.
- Cả lớp đọc bài.

### 3- Tìm hiểu bài:

- Dấu hiệu nào báo hiệu mùa xuân đến?
- Kể lại những thay đổi của bầu trời khi mùa xuân đến?
  
- Mọi vật thay đổi ntn?
  
- Tìm những từ ngữ trong bài giúp em cảm nhận được hương vị riêng của mỗi loài hoa xuân, vẻ riêng của ổi loài chim?

### 4- Luyện đọc lại:

- Gọi HS thi đọc lại bài văn.

### III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò.

- Qua bài văn em biết những gì về mùa xuân?

- Về nhà đọc và trả lời câu hỏi lại bài- Nhận xét.

## TOÁN. Tiết: 98 BẢNG NHÂN 4

### A- Mục tiêu:

- Lập bảng nhân 4 và học thuộc lòng bảng nhân 4.
- Thực hành nhân 4, giải bài toán và đếm thêm 4.
- HS yếu: học thuộc lòng bảng nhân 4. Thực hành nhân 4

### B- Đồ dùng dạy học: Các tấm bìa, mỗi tấm có 4 chấm tròn.

### C- Các hoạt động dạy học:

#### I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$3 \times 8 = 24.$$

$$3 \times 6 = 18.$$

BT 3/9.

Nhận xét- Ghi điểm.

#### II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

##### 1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

##### 2- Hướng dẫn HS lập bảng nhân 4:

- Giới thiệu các tấm bìa.
- Lấy 1 tấm bìa gắn lên bảng: Mỗi tấm bìa có 4 chấm tròn, ta

2 nhóm.  
Đồng thanh.

Hoa mạn tàn.  
Càng thêm xanh,  
nắng vàng ngày  
càng rực rỡ.  
Vườn cây đâm  
chồi nảy lộc.  
Hoa bưởi nồng  
nàn, hoa nhãn  
ngọt,..  
Chim chích chòe  
nhánh nhàu...

2 HS.

Mùa xuân đến  
bầu trời và mọi  
vật đẹp hẳn lên.

Bảng lớp (3 HS).

lấy 1 tấm bìa, tức là 4 được lấy 1 lần.

Viết:  $4 \times 1 = 4$ .

Mỗi tấm có 4 chấm tròn, ta lấy 2 tấm bìa, tức là 4 được lấy 2 lần được mấy?

Viết:  $4 \times 2 = 8$ .

Tương tự cho đến  $4 \times 10 = 40$ .

### 3- Thực hành:

- BT 1/10: hướng dẫn HS làm:

$$4 \times 5 = 20$$

$$4 \times 4 = 16$$

$$4 \times 3 = 12$$

$$4 \times 1 = 4$$

$$4 \times 7 = 28$$

$$4 \times 9 = 36$$

- BT 2/10: Hướng dẫn HS tóm tắt và giải:

Tóm tắt:

1 con: 4 chân.

10 con: ? chân.

**Giải:**

Số chân 10 con ngựa có là:

$$4 \times 10 = 40 \text{ (chân)}$$

ĐS: 40 chân.

- BT 3/10: Hướng dẫn HS làm:

Thứ tự điền: 8, 20, 24, 32, 40.

### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/10.

- Về nhà xem lại bài, học thuộc lòng bảng nhân 4- Nhận xét.

HS đọc.

HS đọc.

HS đọc toàn bộ bảng nhân 4. Học thuộc lòng.

Miệng- Nhận xét.  
HS yêu làm bảng lớp.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét.  
Đổi vở chấm.

2 nhóm. ĐD làm.  
Nhận xét, bổ sung.

2 nhóm làm.  
Nhận xét, tuyên dương.

## TẬP VIẾT. Tiết: 20 CHỮ HOA Q

### A- Mục đích yêu cầu:

- Biết viết chữ hoa Q theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Biết viết cụm từ ứng dụng “Quê hương tươi đẹp” theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.

- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, đều nét, nối chữ đúng quy định và viết đẹp.

- HS yêu: Biết viết chữ hoa Q đúng mẫu.

### B- Đồ dùng dạy học:

Mẫu chữ viết hoa Q. Viết sẵn cụm từ ứng dụng.

### C- Các hoạt động dạy học:

<p><b>I- Hoạt động 1 (5 phút):</b> Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết chữ hoa P, Phong.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận xét- Ghi điểm.</li></ul>	Bảng lớp, bảng con (2 HS).
<p><b>II- Hoạt động 2 (30 phút):</b> Bài mới.</p> <p><b>1- Giới thiệu bài:</b> Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa Q → ghi bảng.</p> <p><b>2- Hướng dẫn viết chữ hoa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đính chữ mẫu lên bảng.</li><li>- Chữ hoa P cao mấy ô li?</li><li>- Có 2 nét: 1 nét giống chữ O, 1 nét lượn ngang giống dấu ngã lớn.</li><li>- Hướng dẫn cách viết.</li><li>- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.</li><li>- Hướng dẫn HS viết.</li></ul> <p><b>3- Hướng dẫn HS viết chữ Quê:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS quan sát và phân tích chữ Quê.</li><li>- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.</li><li>- Nhận xét.</li></ul> <p><b>4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.</li><li>- Giải nghĩa cụm từ ứng dụng.</li><li>- Hướng dẫn HS thảo luận về độ cao và cách viết cụm từ ứng dụng: Quê hương tươi đẹp.</li><li>- GV viết mẫu.</li></ul> <p><b>5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV:</b> Hướng dẫn HS viết theo thứ tự:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 dòng chữ Q cỡ vừa.</li><li>- 1 dòng chữ Q cỡ nhỏ.</li><li>- 1 dòng chữ Quê cỡ vừa.</li><li>- 1 dòng chữ Quê cỡ nhỏ.</li><li>- 1 dòng câu ứng dụng.</li></ul> <p><b>6- Chấm bài:</b> 5- 7 bài. Nhận xét.</p>	Quan sát. 5 ô li.  Quan sát. Quan sát. Bảng con.  Cá nhân. Quan sát. Bảng con.  HS đọc. 4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.  Quan sát.  HS viết vở.
<p><b>III- Hoạt động 3 (5 phút):</b> Củng cố- Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS viết lại chữ Q, Quê.</li><li>- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.</li></ul>	Bảng (HS yếu)

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 20**  
**AN TOÀN KHI ĐI CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG**

**A- Mục tiêu:**

- Nhận biết một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra khi đi các phương tiện giao thông.

- Một số quy trình khi đi các phương tiện giao thông.

- Chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông.

**B- Đồ dùng dạy học:** Tranh ảnh trong SGK.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ: kể tên các loại đường giao thông? Những phương tiện nào đi trên loại đường nào?

- Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay các em sẽ học bài “An toàn khi đi các phương tiện giao thông → Ghi:

**2- Hoạt động 1:** Nhận biết một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra khi đi các phương tiện giao thông.

- Hướng dẫn HS quan sát tranh trang 42.

Thảo luận: Tranh vẽ gì?

Điều gì có thể xảy ra?

Đã có khi nào em có những hành động như trong tình huống đó không?

Em sẽ khuyên các bạn trong tình huống đó ntn?

\*Kết luận: Để đảm bảo an toàn khi ngồi sau xe đạp, xe máy phải bám chắc người ngồi phía trước. Không đi lại, nô đùa khi đi trên ô tô, tàu hỏa,...; không bám ở cửa ra vào, không thò đầu ra ngoài...khi tàu xe đang chạy.

**3- Hoạt động 2:** Biết một số quy định khi đi các phương tiện giao thông.

- HS quan sát tranh trang 43.

- Ảnh 1: Hành khách đang làm gì? Họ đứng gần hay xa mép đường?

- Ảnh 2: Hành khách đang làm gì? Họ lên ô tô khi nào?

- Ảnh 3: Hành khách đang làm gì? Theo bạn hành khách phải ntn khi ở trên ô tô?

- Ảnh 4: Hành khách đang làm gì? Họ xuống xe bên phải hay bên trái?

- Khi đi xe buýt a cần lưu ý điều gì?

\*Kết luận: Khi đi xe buýt, phải chờ xe ở bên và không đứng

HS trả lời.

Quan sát.  
Nhóm đôi.  
ĐD trình bày.  
Nhận xét, bổ sung.

Làm việc theo cặp.  
Đợi xe buýt. Xa mép đường.  
Lên ô tô khi ô tô dừng hẳn.  
Ngồi ngay ngắn, không đi lại, nô đùa.  
Xuống xe. Bên phải.  
Không đưa tay, thò đầu ra ngoài..

sát mép đường. Đợi xe dừng hẳn mới lên xe. Không đi lại, thò đầu, thò tay ra ngoài khi xe đang chạy. Khi xe dừng hẳn mới xuống và xuống bên phải của xe.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** củng cố- Dẫn dò.

- Khi ngồi trên xe đạp, xe máy em phải làm gì?

- Khi đi trên xe buýt ta nên thò đầu, thò tay ra bên ngoài không? Vì sao?

- Về nhà thực hiện đúng luật lệ giao thông- Nhận xét.

Bám sát người ngồi trước.  
Không. Vì rất nguy hiểm.

Thứ năm ngày 24 tháng 01 năm 2008

TOÁN. Tiết: 99

LUYỆN TẬP

**A- Mục tiêu:**

- Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 4 qua thực hành tính và giải bài toán.

- Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân.

- HS yếu: Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 4 qua thực hành tính và giải bài toán.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm: BT 2/10. Học thuộc lòng bảng nhân 4.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Luyện tập:**

- BT 1/11: Hướng dẫn HS làm:

$$\begin{array}{l} \text{a- } 4 \times 5 = 20 \quad | \quad 4 \times 7 = 28 \quad | \quad 4 \times 9 = 36 \\ \quad \quad \quad 4 \times 3 = 12 \quad | \quad 4 \times 2 = 8 \quad \quad | \quad 4 \times 1 = 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{b- } 2 \times 3 = 6 \quad | \quad 3 \times 4 = 12 \\ \quad \quad \quad 3 \times 2 = 6 \quad | \quad 4 \times 3 = 12 \end{array}$$

- BT 2/11: Hướng dẫn HS làm:

$$\begin{array}{l} \text{a- } 4 \times 6 + 6 = 26 + 6 \\ \quad \quad \quad = 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{b- } 4 \times 7 + 12 = 28 + 12 \\ \quad \quad \quad = 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{c- } 4 \times 9 + 24 = 36 + 24 \\ \quad \quad \quad = 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{d- } 4 \times 2 + 32 = 8 + 32 \\ \quad \quad \quad = 40 \end{array}$$

Bảng lớp (2 HS).

Miệng. HS yếu làm bảng lớp.

4 nhóm. Đại diện làm. Nhận xét.

- BT 3/11: Hướng dẫn HS tóm tắt và giải:

Tóm tắt:

1 ngày: 4 giờ.

5 ngày: ? giờ.

Giải:

Số giờ 5 ngày là:

$4 \times 5 = 20$  (giờ)

ĐS: 20 giờ.

Làm vở.

Làm bảng. Nhận

xét, bổ sung.

Đổi vở chấm.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/11.

a- 4, 8, 12, 16, 20.

b- 36, 32, 28, 24, 20.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

2 nhóm làm.

Nhận xét. Tuyên

dương.

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 20**  
**TỪ NGỮ VỀ THỜI TIẾT. ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: “KHI NÀO?”**  
**DẤU CHẤM VÀ DẤU CHẤM THAN.**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Mở rộng vốn từ về thời tiết. Biết dùng các cụm từ bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ thay cho cụm từ khi nào để hỏi về thời điểm.

- Điền đúng dấu chấm và dấu chấm than vào bài tập.

- HS yếu: Biết dùng các cụm từ bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ thay cho cụm từ khi nào để hỏi về thời điểm.

**B- Đồ dùng dạy học:** Viết sẵn BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS trả lời:

Tháng 10, 11 là mùa gì?

HS tự trường vào mùa nào?

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài học → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm bài tập:**

- BT 1/7: Hướng dẫn HS làm:

+Mùa xuân: ấm áp.

+Mùa hạ: nóng bức, oi nồng.

+Mùa thu: se se lạnh.

+Mùa đông: mưa phùn gió bắc, giá lạnh.

- BT 2/7: Hướng dẫn HS làm:

a- Khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy, mấy giờ) lớp bạn đi thăm viện bảo tàng?

b- Khi nào (bao giờ, lúc nào, tháng mấy) trường bạn nghỉ hè?

Mùa đông.

Mùa thu.

Miệng(HS yếu làm). Nhận xét, bổ sung.

3 nhóm. Đại diện trình bày. Nhận xét.

- BT 3/8: Hướng dẫn HS làm:

b- Mở cửa ra!

Không! Sáng... vào.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô- Dẫn dò.

- Mùa xuân thời tiết ntn?

- Mùa hạ thời tiết ntn?

- Mùa thu thời tiết ntn?

- Mùa đông thời tiết ntn?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Làm vở. Đọc bài làm. Nhận xét. Tự chấm.

HS trả lời.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 40 MƯA BÓNG MÂY

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng một đoạn bài thơ “Mưa bóng mây”.

- Tiếp tục luyện viết đúng và nhớ cách viết những tiếng có âm, vần dễ lẫn: iê/iêc

- HS yếu: Có thể cho tập chép.

**B- Đồ dùng dạy học:** Ghi sẵn nội dung bài tập.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Co HS viết: hoa sen, giọt sương.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu của bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS nghe, viết:**

- GV đọc toàn bộ bài thơ.

+Bài thơ tả hiện tượng gì của thiên nhiên?

+Mưa bóng mây có điểm gì lạ?

+Mưa bóng mây có điều gì làm bạn nhỏ thích?

+Bài thơ có mấy khổ, mỗi khổ có mấy dòng thơ, mỗi dòng có mấy chữ?

- Luyện viết từ khó: thoáng, cười, tay,...

- GV đọc từng dòng thơ đến hết.

Bảng con, bảng lớp (2 HS).

2 HS đọc lại.

Mưa bóng mây.

Thoáng qua rồi tạnh ngay, không làm ướt tóc...

Mưa dung dăng...

3 khổ, 4 dòng, 5 chữ.

Bảng con.

Viết bài vào vở.(HS yếu có thể tập chép).

**3- Chấm, chữa bài:**



- Hướng dẫn HS dò lỗi.
- Chấm bài: 5- 7 bài.

**4- Hướng dẫn làm bài tập:**

- BT 1b/8: Hướng dẫn HS làm:  
Chiết cành, chiếc lá.  
Nhớ tiếc, tiết kiệm.  
Hiểu biết, xanh biếc.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết lại: thoáng, cười, thương tiếc.
- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

2 bạn đổi vở.

Bảng con.

Bảng con.

**ĐẠO ĐỨC. Tiết: 20**  
**TRẢ LẠI CỦA RƠI (Tiếp theo)**

**A- Mục tiêu:**

- Nhật được của rơi cần trả lại cho người mất. Trả lại của rơi là thật thà, không tham của rơi sẽ được mọi người quý trọng.
- Đồng tình ủng hộ và noi gương những hành vi không tham của rơi.
- Trả lại của rơi khi nhật được.

**B- Chuẩn bị:** Câu chuyện “Chiếc ví rơi”.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ:

- Nhật được của rơi ta cần làm gì?

- Làm như vậy ta cảm thấy ntn?

Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay các em sẽ tiếp tục học bài “Trả lại của rơi” → Ghi.

**2- Hoạt động 1:** Đọc và tìm hiểu truyện “Chiếc ví rơi”.

- GV kể chuyện.
- Phát phiếu thảo luận.
- +Nội dung câu chuyện là gì?

+Qua câu chuyện em thấy ai đáng khen? Vì sao?

+Nếu em là bạn HS trong truyện em có làm như bạn không?  
Vì sao?

Trả lại cho người mất.

Rất vui.

Nghe.

Nhật được của rơi trả lại người mất.

Nam. Vì trả lại của rơi cho người đánh mất.

Thảo luận. ĐĐ trả lời. Nhận xét,

**3- Hoạt động 2:** Tự liên hệ bản thân.

Yêu cầu mỗi HS kể lại một câu chuyện mà em sưu tầm được hoặc của chính bản thân em về trả lại của rơi.

Nhận xét. Khen những HS có hành vi trả lại của rơi.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** củng cố- Dặn dò.

- Có khi nào em nhặt được của rơi chưa?

- Khi nhặt được em phải làm gì?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

bổ sung.

Đại diện HS trình bày.

Nghe. Ghi nhớ.

HS trả lời.

**THỂ DỤC. Tiết: 39**

**ĐỨNG KIỂNG GÓT HAI TAY CHỐNG HÔNG.  
TRÒ CHƠI: “CHẠY ĐỔI CHỖ, VỖ TAY NHAU”.**



**A- Mục tiêu:**


- Ôn 2 động tác RLTTCB. Yêu cầu thực hiện tương đối chính xác.

- Học trò chơi “Chạy đổi chỗ, vỗ tay vào nhau”. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia được vào trò chơi.

**B- Địa điểm, phương tiện:** Sân trường, còi.

**C- Nội dung và phương pháp lên lớp:**

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p><b>I- Phần mở đầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học.</li> <li>- Đứng vỗ tay hát.</li> <li>- Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc.</li> <li>- Vừa đi vừa hít thở sâu.</li> <li>- Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...</li> </ul>	<b>7 phút</b>	<p>X X</p> 
<p><b>II- Phần cơ bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn đứng kiễng gót hai tay chống hông 4- 5 lần.</li> <li>- Lần 1: GV làm mẫu, giải thích, HS tập theo</li> <li>- Lần 2, 3: HS làm. GV theo dõi uốn nắn sửa sai.</li> <li>- Ôn động tác đứng kiễng gót hai tay giang ngang lòng bàn tay sấp.</li> </ul>	<b>20 phút</b>	<p>X X</p> 

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp 2 động tác trên.</li> <li>- Trò chơi “Chạy đổi chỗ, vỗ tay vào nhau”.</li> <li>- Cách chơi: SGV/92.</li> </ul>		
<p><b>III- Phần kết thúc:</b></p>	<b>8 phút</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối người thả lỏng.</li> <li>- Nhảy thả lỏng.</li> <li>- GV cùng HS hệ thống lại bài.</li> <li>- Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.</li> </ul>		<p>X X X X X X X                  X X X X X X X                  X X X X X X X                  X X X X X X X</p> 

Thứ sáu ngày 25 tháng 01 năm 2008

**TOÁN. Tiết: 100**  
**BẢNG NHÂN 5**

**A- Mục tiêu:**

- Lập bảng nhân 5 và học thuộc lòng bảng nhân 5.
- Thực hành nhân 5, giải bài toán và đếm thêm 5.
- HS yếu: học thuộc lòng bảng nhân 5. Thực hành nhân 5

**B- Đồ dùng dạy học:** Các tấm bìa, mỗi tấm có 5 chấm tròn.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

BT 3/11. Học thuộc lòng bảng nhân 4.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS lập bảng nhân 4:**

- Giới thiệu các tấm bìa.

- Lấy 1 tấm bìa gắn lên bảng: Mỗi tấm bìa có 5 chấm tròn, ta lấy 1 tấm bìa, tức là 5 được lấy 1 lần.

Viết:  $5 \times 1 = 5$ .

GV đính thêm 1 tấm bìa nữa.

Nêu: Mỗi tấm có 5 chấm tròn, ta lấy 2 tấm bìa, tức là 5 được lấy 2 lần.

5 lấy 2 lần bằng bao nhiêu?

Viết:  $5 \times 2 = 10$ .

Tương tự cho đến  $5 \times 10 = 50$ .

Hướng dẫn HS học thuộc lòng bảng nhân 5.

Bảng lớp (1 HS).  
2 HS đọc học thuộc lòng bảng nhân 4.

HS đọc.

10.  
HS đọc.  
HS đọc toàn bộ.  
Cá nhân, đồng thanh.

### 3- Thực hành:

- BT 1/12: hướng dẫn HS làm:

$$5 \times 2 = 10$$

$$5 \times 3 = 15$$

$$5 \times 4 = 20$$

$$5 \times 9 = 45$$

$$5 \times 8 = 40$$

$$5 \times 7 = 35$$

- BT 2/12: Gọi HS đọc đề và hướng dẫn HS tóm tắt và giải:

Tóm tắt:

1 tuần: 5 ngày.

8 tuần: ? ngày.

**Giải:**

Số ngày 8 tuần em đi học là:

$$5 \times 8 = 40 \text{ (ngày)}$$

$$\text{ĐS: } 40 \text{ ngày.}$$

- BT 3/12: Hướng dẫn HS làm:

a- 5, 10, 15, 20, 25, 30.

b- 50, 45, 40, 35, 30, 25.

Miệng- Nhận xét.

Bổ sung.

Hs yếu làm bảng lớp.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét.

Đổi vở chấm.

2 nhóm. ĐĐ làm.

Nhận xét, bổ sung.

2 nhóm làm.

Nhận xét, tuyên dương.

### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/12.

$$5 \times 4 = 4 \times 5 ; 3 \times 5 = 5 \times 3$$

$$5 \times 2 = 2 \times 5 ; 5 \times 1 = 1 \times 5$$

- Về nhà xem lại bài, học thuộc lòng bảng nhân 4- Nhận xét.

## TẬP LÀM VĂN. Tiết 20 TẢ NGẮN VỀ BỐN MÙA

### A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc đoạn văn “Xuân về”, trả lời câu hỏi về nội dung bài học.

- Dựa vào gợi ý, viết được một đoạn văn đơn giản từ 3- 5 câu nói về mùa hè.

- HS yếu: Dựa vào gợi ý, nói được từ 3- 5 câu nói về mùa hè.

### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS thực hành lại BT 1/5.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Tiết TLV hôm nay sẽ tập cho các em tả ngắn về bốn mùa → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm bài tập:**

- BT 1/9: Gọi HS đọc yêu cầu bài.

Cả lớp đọc bài “Xuân về”

+Những dấu hiệu nào báo hiệu mùa xuân đến?

Cá nhân.

Đồng thanh.

Mùi hương của các loài hoa, không còn ngửi

+Tác giả đã quan sát mùa xuân bằng những cách nào?

- BT 2/9: Hướng dẫn HS làm:

VD: Mùa hè bắt đầu từ tháng 4. Vào mùa hè, mặt trời chói chang, thời tiết rất nóng. Nhưng nắng mùa hè làm cho trái ngọt, hoa thơm. Được nghỉ hè chúng em tha hồ đọc truyện, đi chơi, lại còn được bố mẹ cho về quê thăm ông bà. Mùa hè thật là thích.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô - Dẫn dắt

- Hướng dẫn cách viết một đoạn văn ngắn sao cho đúng?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

thấy hơi nước  
lạnh lẽo. Cây cối  
cởi bỏ những lớp  
áo già đen thui...  
Ngửi: mùi hương  
thơm của hoa,  
không khí.  
Nhìn: mặt trời,  
cây cối,...  
Làm vở.HS yếu  
làm miệng.  
Gọi HS đọc bài  
làm của mình.  
Nhận xét.

HS theo dõi.

### THỂ DỤC. Tiết: 40

#### MỘT SỐ BÀI TẬP RÈN LUYỆN TƯ THẾ CƠ BẢN TRÒ CHƠI: “CHẠY ĐỔI CHỖ, VỖ TAY NHAU”


##### A- Mục tiêu:



- Ôn động tác: đứng hai chân rộng bằng vai, hai tay đưa ra trước, sang ngang, lên cao chéch chữ V. Yêu cầu thực hiện tương đối chính xác.

- Tiếp tục học trò chơi “Chạy đổi chỗ, vỗ tay vào nhau”. Yêu cầu biết cách chơi có kết hợp vận động.

**B- Địa điểm, phương tiện:** Sân trường, còi.

**C- Nội dung và phương pháp lên lớp:**

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<b>I- Phần mở đầu:</b> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Đứng vỗ tay hát. - Ôn một số động tác của bài thể dục. - Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...	7 phút	X 

<p><b>II- Phần cơ bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn đứng hai chân rộng bằng vai, tay ra trước, dang ngang, lên cao chệch chữ V, về TTCB.</li> <li>- GV vừa làm vừa hô cho HS tập theo.</li> <li>- Lớp trưởng hô. GV theo dõi uốn nắn sửa sai.</li> <li>- Trò chơi “Chạy đổi chỗ, vỗ tay vào nhau”.</li> <li>- Cho HS đọc vần điệu:  “Chạy đổi chỗ  Vỗ tay nhau  Hai...ba!”.</li> </ul>	<p><b>20 phút</b></p>	<pre> X </pre> 
<p><b>III- Phần kết thúc:</b></p>	<p><b>8 phút</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối lắc người thả lỏng.</li> <li>- Nhảy thả lỏng.</li> <li>- GV cùng HS hệ thống lại bài.</li> <li>- Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.</li> </ul>		<pre> X </pre> 

## SINH HOẠT LỚP TUẦN 20

**A- Mục tiêu:**

**1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 20:**

**a)- Ưu:**

- Hầu hết HS mua đầy đủ sách vở HKII.
- Thực hiện tốt “Vệ sinh ATTP” và “Luật lệ giao thông”.
- Đi học đều, đúng giờ.
- Chữ viết có tiến bộ.

**b)- Khuyết:**

- Nề nếp truy bài còn mất trật tự.
- Chưa có tinh thần tự học: Tuấn, Vy.
- Còn nói chuyện riêng nhiều:Hiếu, Đăng...
- Còn leo trèo lên bàn ghế:My,Bình...

**2- Mục tiêu:**

- Cho HS hiểu ý nghĩa của ngày 03/02.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

**B- Nội dung:**

**1- Hoạt động trong lớp:**

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 03/02/1930: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

GV hát mẫu → từng câu.

Hát cả bài.

**2- Hoạt động ngoài trời:**

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.

- Chơi trò chơi: Đi chợ, vòng tròn, bỏ khăn và chim sỏ lồng.

**C- Phương hướng tuần 21:**

- Phụ đạo HS yếu.

- Giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng.

- Duy trì phòng trào “Đôi bạn cùng tiến”; “Vở sạch chữ đẹp”.

- Thu các khoản tiền theo quy định.

Nghe, nhắc lại  
(Cá nhân, đồng  
thanh).

Lớp đồng thanh  
hát.

hoc360.net

## TUẦN 21

Thứ hai ngày 28 tháng 01 năm 2008

### TẬP ĐỌC. Tiết: 61 + 62 CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

#### A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ, đúng mức.
- Biết thay đổi giọng đọc phù hợp với nội dung bài.
- Hiểu ý nghĩa các từ: khôn tả, véo von, long trọng...
- Hiểu điều câu chuyện muốn nói: Hãy để cho chim được tự do ca hát, bay lượn. Hãy để cho hoa được tự do tắm nắng mặt trời.
- HS yếu: Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ, đúng mức.

#### B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Mùa xuân đến  
Nhận xét- Ghi điểm.

Đọc và trả lời câu hỏi (3 HS).

**II- Hoạt động 2 (70 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Trong các tuần 21, 22 các em sẽ học các bài gắn với chủ điểm mới: Chim chóc. Truyện mở đầu chủ điểm có tên gọi “Chim sơn ca và bông cúc trắng”. Chim sơn ca và bông cúc trắng trong truyện này có số phận rất buồn thảm. Các em hãy đọc truyện và xem câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì.

#### 2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: lia đời, héo lả, long trọng, xòe cánh, an ủi,...
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Hướng dẫn cách đọc.
- Rút từ mới: khôn tả, véo von, long trọng,...
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Cả lớp đọc bài.

Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng thanh.  
Nói tiếp.

Giải thích.  
Theo nhóm(HS yếu đọc nhiều.)  
Đoạn (đồng thanh).  
Đồng thanh.

#### Tiết 2

#### 3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- Trước khi bị bỏ vào lồng, chim và hoa sống ntn?

Tự do bay nhảy, hót véo von,...Cúc sống tự do bên bờ rào,



- Vì sao tiếng hót của chim trở nên buồn thảm?
- Điều gì cho thấy các cậu bé vô tình đối với chim, với hoa?

- Hành động của các cậu bé gây ra chuyện gì đau lòng?

- Em muốn nói gì với các cậu bé?

#### 4- Luyện đọc lại:

- Gọi HS thi đọc lại câu chuyện.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Qua câu chuyện chúng ta cần làm gì?

- Về nhà luyện đọc lại, trả lời câu hỏi- Nhận xét.

giữa đám cỏ dại...  
Bị bắt, bị cầm tù.  
Nhốt chim vào  
lồng không chim  
ăn. Cắt cỏ lẫn  
bông cúc bỏ vào  
lồng sơn ca.  
Sơn ca chết. Cúc  
héo tàn.  
Đừng bắt chim,  
đừng hái hoa.

4- 5 em.

Bảo vệ chim, bảo  
vệ các loài hoa vì  
chúng làm cho  
cuộc sống thêm  
tươi đẹp.

## TOÁN. Tiết: 101 LUYỆN TẬP

#### A- Mục tiêu:

- Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 5 bằng thực hành tính và giải bài toán.
- HS yếu: ghi nhớ bảng nhân 5 bằng thực hành tính.

#### B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$5 \times 4 = 4 \times 5$$

$$5 \times 2 = 2 \times 5$$

BT 2/12.

- Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

#### 2- Luyện tập:

- BT 1/13: Hướng dẫn HS làm:

$$\textcircled{5} \xrightarrow{\times 3} \boxed{15} ; \textcircled{5} \xrightarrow{\times 5} \boxed{25}$$

Bảng (3 HS).

Bảng con. HS  
yếu làm bảng lớp.  
Nhận xét.

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvatthes/>

$$\textcircled{\quad} \longrightarrow \boxed{\quad} \quad \textcircled{\quad} \longrightarrow \boxed{\quad}$$

$$5 \times 7 = 35 ; 5 \times 9 = 45$$

- BT 2/13: Hướng dẫn HS làm:

$$5 \times 5 - 10 = 25 - 10 = 15$$

$$5 \times 7 - 5 = 35 - 5 = 30$$

$$5 \times 9 - 25 = 45 - 25 = 20$$

$$5 \times 6 - 12 = 30 - 12 = 18$$

- BT 3/13: Gọi HS đọc đề.

Tóm tắt:

1 bao: 5 kg.

4 bao: ? kg

**Giải:**

Số ki- lô- gam gạo 4 bao là:

$$5 \times 4 = 20 \text{ (kg)}$$

$$\text{ĐS: } 20 \text{ kg.}$$

2 nhóm. Đại diện làm. Nhận xét. Tuyên dương.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét. Đổi vở chấm.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/13

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

3 nhóm làm. Nhận xét.

Thứ ba ngày 29 tháng 01 năm 2008

TOÁN. Tiết: 102

**ĐƯỜNG GẤP KHÚC. ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC**

**A- Mục tiêu:**

- Nhận biết đường gấp khúc.

- Biết tính độ dài đường gấp khúc.

- HS yêu: biết đường gấp khúc và bước đầu biết tính độ dài đường gấp khúc.

**B- Đồ dùng dạy học:** Hình vẽ đường gấp khúc gồm 3 đoạn.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT

$$5 \times 6 - 10 = 30 - 10 = 20$$

$$5 \times 8 - 23 = 40 - 23 = 17$$

BT 3/13.

- Nhận xét- Ghi điểm.

Bảng lớp (3 HS).

## II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

### 2- Giới thiệu đường gấp khúc, độ dài đường gấp khúc:

- Cho HS quan sát đường gấp khúc ABCD.
- Giới thiệu đây là đường gấp khúc ABCD.
- Đường gấp khúc này có mấy đoạn thẳng?
- Đó là những đoạn thẳng nào?
- Nhìn vào số đo của các đoạn thẳng cho biết:  
+Đoạn thẳng AB dài bao nhiêu cm?  
+Đoạn thẳng BC dài bao nhiêu cm?  
+Đoạn thẳng CD dài bao nhiêu cm?
- Độ dài đường gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD:  
 $2\text{ cm} + 4\text{ cm} + 3\text{ cm} = 9\text{ cm}$   
Vậy độ dài đường gấp khúc ABCD dài 9 cm.

### 3- Luyện tập:

- BT 3/14: Hướng dẫn HS làm.
- a- Độ dài đường gấp khúc ABCD là:  
 $2\text{ cm} + 3\text{ cm} + 3\text{ cm} = 8\text{ (cm)}$   
ĐS: 8 cm.
- a- Độ dài đường gấp khúc MNPQR là: -  
 $2\text{ cm} + 3\text{ cm} + 1\text{ cm} + 3\text{ cm} = 9\text{ (cm)}$   
ĐS: 9 cm.

## III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/15.
- Giao BTVN: 1, 2/13
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS nhắc lại.  
3 đoạn thẳng.  
AB, BC, CD.

2 cm.  
4 cm.  
3 cm.  
HS nhắc lại.

Làm vở, làm  
bảng. Nhận xét.  
Đổi vở chấm.

2 nhóm. Nhận xét

## CHÍNH TẢ. Tiết: 41 CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

### A- Mục đích yêu cầu:

- Chép lại chính xác, trình bày đúng một đoạn truyện “Chim sơn ca và bông cúc trắng”.
- Luyện viết đúng và nhớ cách viết những tiếng có âm, vần dễ lẫn: **ch/tr**; **uôt/uộc**

- HS yếu: Chép lại chính xác, trình bày đúng một đoạn truyện.

**B- Đồ dùng dạy học:** Viết sẵn đoạn viết. Bài tập.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết:  
sương mù, việc làm, phù sa.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Tiết CT hôm nay, các em sẽ chép lại một đoạn trong bài “Chim sơn ca và bông cúc trắng” và làm BT chính tả → Ghi.

**2- Hướng dẫn tập chép:**

- GV đọc đoạn chép.

+Đoạn này cho em biết điều gì về cúc và sơn ca?

+Đoạn chép có những dấu câu nào?

+Tìm những chữ bắt đầu bằng r, s, tr?

+Luyện viết từ khó: sung sướng, véo von, xanh thắm, sà xuống,...

- Hướng dẫn HS nhìn bảng chép vào vở.

- GV theo dõi uốn nắn.

**3- Chấm, chữa bài:**

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

- Chấm bài: 5- 7 bài.

**4- Hướng dẫn làm BT:**

- BT 1a/10: Hướng dẫn HS làm:

+**ch:** chào mào, chích chòe, chiến chiến, chia vôi, châu chấu,...

+**tr:** trâu, cá trắm, trai, cá trê,...

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết lại: véo von.

- Về nhà luyện viết thêm.

- Nhận xét tiết học.

Bảng lớp (3 HS)  
và bảng con.

2 HS đọc lại.  
Sống vui vẻ hạnh  
phúc trong những  
ngày được tự do.  
Dấu phẩy, hai  
chấm, gạch  
ngang, chấm than  
Rào, rằng, trắng,  
trời, sơn, sà,...  
Bảng con.

Viết vở.

Đổi vở chấm lỗi.

2 nhóm thảo  
luận. Đại diện là.  
Nhận xét. Tuyên  
dương.

Bảng.

## KỂ CHUYỆN. Tiết: 21 CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Dựa vào gợi ý kể lại từng đoạn câu chuyện.

- Có khả năng tập trung theo dõi bạn kể chuyện. Biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn, kể tiếp theo lời bạn.

- HS yếu: Dựa vào gợi ý kể lại từng đoạn câu chuyện.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Ông Mạnh thắng Thần Gió.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài học → Ghi.

**2- Hướng dẫn kể chuyện:**

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Hướng dẫn HS dựa vào gợi ý kể từng đoạn câu chuyện.

VD: Bông cúc đẹp ntn?

Son ca làm gì và nói gì?

Bông cúc vui ntn?

- HS kể nối tiếp.

- Gọi đại diện nhóm thi kể nối tiếp, kể 4 đoạn.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Khen ngợi những HS kể chuyện tốt.

- Về nhà tập kể lại- Nhận xét.

HS kể từng đoạn câu chuyện.

Cá nhân.

1 HS giỏi.

Cánh trắng tinh  
mọc bên bờ rào...

Sà xuống hát lời  
ca ngợi: Cúc

ơi!Cúc xinh xắn  
làm sao!

Vui sướng khôn  
tả.

Nhóm đôi.

Kể. Nhận xét.

Tuyên dương  
nhóm thắng.

**THỦ CÔNG. Tiết: 21**  
**GẤP, CẮT DÁN PHONG BÌ (Tiết 1)**

**A- Mục tiêu:**

- HS biết cách gấp, cắt, dán phong bì.

- Gấp, cắt, dán được phong bì.

- Thích dùng phong bì để sử dụng.

**B- Chuẩn bị:** Phong bì mẫu và mẫu thiệp chúc mừng.

Quy trình gấp, cắt, dán phong bì có hình vẽ minh họa. Một tờ giấy hình chữ nhật. Thước, bút, chì, hồ, kéo,...

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em tập “Gấp, cắt, dán phong bì” → Ghi.

**2- Hướng dẫn quan sát và nhận xét:**

- GV giới thiệu phong bì mẫu:

+Phong bì có hình gì?

+Mặt trước của phong bì ntn?

+Mặt sau của phong bì ntn?

+Cho HS so sánh về kích thước của phong bì và thiệp chúc mừng?

**3- GV hướng dẫn mẫu:**

- Bước 1: Gấp phong bì.

Lấy tờ giấy trắng gấp thành 2 phần theo chiều rộng như hình 1/SGV sao cho mép dưới của tờ giấy cách mép trên khoảng 2 ô, được hình 2.

Gấp hai bên hình 2, mỗi bên vào 1,5 ô để lấy đường dấu gấp.

Mở 2 đường mới gấp ra, gấp chéo 4 góc như hình 3 để lấy đường dấu gấp.

- Bước 2: Cắt phong bì.

Mở tờ giấy ra cắt theo đường dấu gấp để bỏ những phần gạch chéo ở hình 4 được hình 5.

- Bước 3: Dán thành phong bì.

Gấp lại theo các nếp gấp ở hình 5, dán 2 mép bên và gấpmép trên theo đường dấu gấp (hình 6) ta được chiếc phong bì.

- Gọi 1 HS lần gấp, cắt, dán phong bì.

- Tổ chức cho HS gấp, cắt, dán phong bì.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò

- Muốn gấp được phong bì ta cần gấp hình gì? Có mấy bước? Kể tên?

- Về nhà tập làm lại- Nhận xét.

Quan sát.  
Hình chữ nhật.  
Ghi chữ: Người gửi, người nhận.  
Dán theo 2 cạnh đựng thư, thiệp chúc mừng, sau khi cho thư vào dán lại.

Quan sát.

Quan sát.

Quan sát.

1 HS giỏi.  
4 nhóm (nháp).

HS trả lời.

Thứ tư ngày 30 tháng 01 năm 2008

**TẬP ĐỌC. Tiết: 63**  
**VỀ CHIM**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Đọc trơn toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng nhịp câu về.
- Biết đọc với giọng đọc vui, nhí nhảnh. Học thuộc lòng bài về.
- Hiểu nghĩa các từ ở cuối bài: lon xon, tều,...
- Nhận biết các loài chim trong bài.
- HS yếu: Đọc trơn toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng nhịp câu về.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Chim sơn ca và bông cúc trắng.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Bài “Về chim” các em học hôm nay sẽ giới thiệu cho các em biết tính nết của một số loài chim quen thuộc với chúng ta → Ghi.

**2- Luyện đọc:**

- GV đọc mẫu.
- Hướng dẫn HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: lon xon, linh tinh, liều điếu, tều, chèo bẻo,...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn.
- Rút từ mới: lon xon, tều,...
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.

- Thi đọc giữa các nhóm.
- Hướng dẫn đọc toàn bài.

**3- Tìm hiểu bài:**

- Tìm tên của các loài chim được kể trong bài?
- Tìm các từ ngữ được dùng để tả các loài chim?
- Tìm các từ ngữ để tả đặc điểm của các loài chim?
- Em thích con chim nào trong bài? Vì sao?

Đọc và trả lời câu hỏi.

Nội tiếp.  
Cá nhân, đồng thanh.

Nội tiếp.  
Giải thích.  
Theo nhóm(HS yếu đọc nhiều).  
2 nhóm.

Đồng thanh.

Gà con, sáo, liều điếu, chìa vôi, chèo bẻo, ...  
Em sáo, cậu chìa vôi, thím khách, ..  
Chạy lon xon, vừa đi vừa nhảy, nói linh tinh, ...

#### 4- Học thuộc lòng bài về:

Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài về.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS học thuộc lòng lại bài về.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS tự trả lời.

Thi đọc (đoạn, bài).

Cá nhân.

### TOÁN. Tiết: 103 LUYỆN TẬP

#### A- Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về đường gấp khúc và tính độ dài đường gấp khúc.
- HS yếu: củng cố về đường gấp khúc và tính độ dài đường gấp khúc.

#### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 2, 3/14, 15.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

#### 2- Luyện tập:

- BT 1/6: Hướng dẫn HS làm:

a- Độ dài đường gấp khúc ABC là:

$$10 + 12 = 22 \text{ (dm)}$$

$$\text{ĐS: } 22 \text{ dm.}$$

b- Độ dài đường gấp khúc MNPQ là:

$$8 + 9 + 10 = 27 \text{ (dm)}$$

$$\text{ĐS: } 27 \text{ dm.}$$

- BT 2/16: Hướng dẫn HS làm:

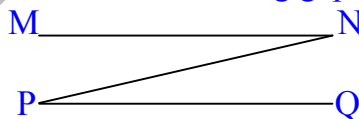
Đoạn đường con ốc sên phải bò là:

$$68 + 12 + 20 = 100 \text{ (cm)}$$

$$\text{ĐS: } 100 \text{ cm.}$$

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS đọc tên độ dài đường gấp khúc sau:



- Giao BTVN: BT 3/17.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng lớp (2 HS).

2 nhóm. ĐD làm.  
Nhận xét.  
HS yếu làm vào vở.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét.  
Đổi vở chấm.

HS đọc.



## TẬP VIẾT. Tiết: 21 CHỮ HOA R

**A- Mục đích yêu cầu:** Rèn kỹ năng viết chữ:

- Biết viết chữ hoa R theo cỡ chữ vừa và nhỏ.
- Biết viết cụm từ ứng dụng “Ríu rít chim ca” theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.
- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, đều nét, nổi chữ đúng quy định và viết đẹp.

**B- Đồ dùng dạy học:**

Mẫu chữ viết hoa R. Viết sẵn cụm từ ứng dụng.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết chữ hoa Q, Quê.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa R → ghi bảng.

**2- Hướng dẫn viết chữ hoa:**

- GV đính chữ mẫu lên bảng.
- Chữ hoa P cao mấy ô li?
- Gồm mấy nét?
- Nét 1: giống nét chữ P.
- Nét 2: là kết hợp của 2 nét cơ bản, nét cong trên và nét móc ngược phải nối vào nhau tạo vòng xoắn giữa thân chữ.

- Hướng dẫn cách viết.

- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.

- Hướng dẫn HS viết bảng con.

**3- Hướng dẫn HS viết chữ Ríu:**

- Cho HS quan sát và phân tích chữ Ríu.

- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.

- Nhận xét.

**4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:**

- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.

- Gọi HS đọc cụm từ ứng dụng.

- Giải nghĩa cụm từ ứng dụng.

- Hướng dẫn HS thảo luận về nội dung, độ cao, cách đặt dấu thanh và khoảng cách giữa các con chữ.

- GV viết mẫu.

**5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV:**

Hướng dẫn HS viết theo thứ tự:

Bảng lớp, bảng con (2 HS).

Quan sát.  
5 ô li.

Quan sát.  
Quan sát.  
Bảng con.

Cá nhân.  
Quan sát.  
Bảng con.

HS đọc.  
Cá nhân.

4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.  
Quan sát.

HS viết vở.

- 1 dòng chữ R cỡ vừa.
- 1 dòng chữ R cỡ nhỏ.
- 1 dòng chữ Riu cỡ vừa.
- 1 dòng chữ Riu cỡ nhỏ.
- 1 dòng câu ứng dụng.

**6- Chấm bài:** 5- 7 bài. Nhận xét.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dặn dò

- Cho HS viết lại chữ **R, Riu**.
- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.

Bảng (HS yếu)

## TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 21 CUỘC SỐNG XUNG QUANH

**A- Mục tiêu:**

- HS biết kể tên một số nghề nghiệp và nói được những hoạt động sinh sống của người dân ở địa phương mình.
- Có ý thức gắn bó và yêu mến quê hương.

**B- Đồ dùng dạy học:** Tranh ảnh trong SGK.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ:

- Khi ngồi trên xe máy em phải làm gì?
- Khi đi trên ô tô ta có nên thò đầu ra ngoài để đùa giỡn không? Vì sao?
- Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Thế nào là cuộc sống xung quanh, bài TNXH hôm nay sẽ cho các em hiểu điều đó → Ghi.

**2- Hoạt động 1:** Kể tên một số ngành nghề ở vùng nông thôn

- Bố mẹ và những người thân nhà em làm nghề gì?
- Như vậy mỗi người có một nghề khác nhau.

**3- Hoạt động 2:** Quan sát và kể lại những gì bạn nhìn thấy trong tranh.

- Cho HS quan sát hình SGK.
- Hướng dẫn thảo luận nhóm để quan sát và kể lại những gì nhìn thấy trong hình.
- Nhận xét.

**4- Hoạt động 3:** Kể tên một số nghề của người dân qua hình vẽ.

HS trả lời (2 HS).

HS trả lời.

Quan sát.  
Thảo luận.  
ĐD trình bày.  
Nhận xét, bổ sung.

H 1, 2: miền núi.

- Em nhìn thấy các hình ảnh này mô tả những người dân sống ở vùng nào của tổ quốc? (Miền núi, trung du hay đồng bằng).

- Hướng dẫn HS thảo luận nhóm để nói lên các ngành nghề của những người dân trong hình vẽ. Từ những hình trên em rút ra được điều gì?

\*Kết luận: Mỗi người dân ở những vùng miền khác nhau của tổ quốc thì có những ngành nghề khác nhau.

#### 5- Hoạt động 4: Thi nói về ngành nghề.

- Yêu cầu HS các nhóm thi nói về ngành nghề địa phương mình.

- Tên ngành nghề tiêu biểu của địa phương? Nội dung và đặc điểm của ngành nghề ấy? Ích lợi của ngành nghề đó đối với quê hương đất nước? Cảm nghĩ của em về ngành nghề tiêu biểu đó?

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Kể tên những nghề nghiệp phổ biến ở địa phương em?

- Về nhà thực hiện đúng luật lệ giao thông- Nhận xét.

H 3, 4: trung du.  
H 5, 6: đồng bằng  
Thảo luận và trình bày. Mỗi người có mỗi nghề khác nhau.  
Ở từng vùng miền làm những ngành nghề khác nhau.  
Nhóm. Đại diện trả lời.

HS kể.

Thứ năm ngày 31 tháng 01 năm 2008

TOÁN. Tiết: 104

LUYỆN TẬP CHUNG

#### A- Mục tiêu:

- Ghi nhớ các bảng nhân 2, 3, 4, 5 bằng thực hành tính và giải bài toán. Tính độ dài đường gấp khúc.

- HS yêu: Ghi nhớ các bảng nhân 2, 3, 4, 5 bằng thực hành tính và giải bài toán.

#### B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 1/16.

- Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

#### 2- Luyện tập chung:

- BT 1/18: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \times 5 = 10$$

$$5 \times 4 = 20$$

Bảng (1 HS).

Miệng.

HS yếu làm bảng

$3 \times 5 = 15$	$4 \times 5 = 20$	lớp.
$4 \times 5 = 20$	$3 \times 6 = 18$	
$5 \times 5 = 25$	$2 \times 7 = 14$	
- BT 3/18: Hướng dẫn HS làm 2 cách:		Làm vở. 1 HS làm bảng. Nhận xét. Đốt vở chấm.
+Cách 1:		
Độ dài đường gấp khúc ABCD là: $3 + 3 + 3 + 3 = 12$ (cm) ĐS: 12 cm.		
+Cách 2:		2 nhóm làm bảng
Độ dài đường gấp khúc ABCD là: $3 \times 4 = 12$ (cm) ĐS: 12 cm.		
<b>III- Hoạt động 3 (5 phút):</b> Củng cố- Dặn dò.		
- Trò chơi: BT 4/19- Hướng dẫn làm vở.		
Giao BTVN: BT2/18.		
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.		

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 21**  
**MỞ RỘNG VỐN TỪ- TỪ NGỮ VỀ CHIM CHÓC.**  
**ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: “Ở ĐÂU?”**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Mở rộng vốn từ về chim chóc. Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ: “Ở đâu?”.
- HS yếu: Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ: “Ở đâu?”.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 2/7.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài học → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm bài tập:**

- BT 1/11: Hướng dẫn HS làm:
- +Gọi tên theo hình dáng: Cú mèo, vàng anh.
- +Gọi tên theo tiếng kêu: Cuốc, quạ.
- +Gọi tên theo cách kiếm ăn: Chim sâu, gõ kiến.

- BT 2/11: Hướng dẫn HS làm:

- +Bông cúc trắng mọc ở đâu?
- Bông cúc trắng mọc bên bờ rào giữa đám cỏ dại.
- +Chim sơn ca bị nhốt ở đâu?

Miệng (2 HS).

2 nhóm. ĐD làm.  
Nhận xét. Tuyên dương.

Miệng(HS yếu).  
Thực hành đối đáp.

Làm vở, làm

Chim sơn ca bị nhốt ở trong lồng.

+Em làm thẻ mượn sách ở đâu?

Em làm thẻ mượn sách ở thư viện trường.

- BT 3/11: Hướng dẫn HS làm:

a- Em ngồi ở đâu?

b- Sách của em để ở đâu?

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dẫn dò.

- Ngoài các loài chim trên còn có các loài chim khác: Chích chòe, chào mào,...

- Về nhà tìm hiểu thêm các loài chim- Nhận xét.

bảng. Nhận xét.

Tự chấm vở.

Miệng.

Theo dõi.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 42 SÂN CHIM

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng bài chính tả “Sân chim”.

- Luyện viết đúng và nhớ cách viết những tiếng có âm vần dễ lẫn.

- HS yếu: Có thể cho tập chép.

**B- Đồ dùng dạy học:** Ghi sẵn BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: lũy tre, chích chòe.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu → Ghi.

**2- Hướng dẫn nghe, viết:**

- GV đọc bài viết.

- Bài “Sân chim” tả cái gì?

- Những chữ nào trong bài bắt đầu bằng tr, s?

- Luyện viết đúng: xiết, thuyền, trắng xóa, sát, sông,...

- GV đọc từng câu, cụm từ đến hết.

**3- Chấm, chữa bài:**

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

- Chấm 5- 7 bài.

**4- Hướng dẫn làm BT:**

- BT 1a/12: Hướng dẫn HS làm:

Đánh trống, chống gậy, chèo bẻo, leo trèo, quynh truyện,

Bảng lớp (2 HS)  
và bảng con.

2 HS đọc lại.  
Chim nhiều  
không tả xiết.  
Trúng, trắng, sân,  
sát, sông.  
Bảng con.  
Viết vở(HS yếu  
tập chép).

Đổi vở dò lỗi.

Bảng con. Nhận  
xét, bổ sung.

câu chuyện.

- BT 2b/12: Hướng dẫn HS làm:

+Uôc: Cuộc thi; Bạn Lan tham gia cuộc thi “Vở sạch chữ đẹp”.

+Uôt: Vuốt tóc; Bạn Mai đang vuốt tóc.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Tìm tiếng có vần uôc?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Làm vở. 1 HS đọc bài làm. Lớp nhận xét, bổ sung.

Luộc khoai.

## **ĐẠO ĐỨC. Tiết: 21** **BIẾT NÓI LỜI YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ**

### **A- Mục tiêu:**

- Cần nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp trong các tình huống khác nhau.
- Lời yêu cầu, đề nghị phù hợp thể hiện sự tôn trọng và tôn trọng người khác.
- HS biết sử dụng lời yêu cầu, đề nghị phù hợp trong giao tiếp.
- HS có thái độ quý trọng những người biết nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp.

### **B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS trả lời câu hỏi:

- Khi nhận được của em phải làm gì?

- Làm như vậy em sẽ cảm thấy ntn?

Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Bài Đạo đức hôm nay sẽ tập cho các em biết nói lời yêu cầu, đề nghị → Ghi.

**2- Hoạt động 1:** Thảo luận nhóm.

- Yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết nội dung trong tranh.

- GV giới thiệu: Trong giờ học vẽ Nam muốn mượn bút chì của bạn Tâm. Em hãy đoán xem Nam sẽ nói gì với bạn Tâm?

HS trả lời.

Hai em nhỏ đang ngồi cạnh nhau. Một em đưa tay muốn mượn bút. HS trả lời.

\*Kết luận: Muốn mượn bút chì của bạn Tâm, Nam cần sử dụng những yêu cầu, đề nghị nhẹ nhàng, lịch sự. Như vậy là Nam đã tôn trọng bạn và có lòng tự trọng.

**3- Hoạt động 2:** Đánh giá hành vi.

- Yêu cầu HS quan sát tranh ở SGK và ôi:

+Các bạn trong tranh đang làm gì?

+Em có đồng tình với việc làm của các bạn không? Vì sao? -

Thảo luận từng đôi một. Đại diện trả lời. Nhận xét, bổ sung.

- Tranh 1: Cảnh trong gia đình. Một em trai khoảng 7- 8 tuổi đang giành đồ chơi của em bé và nói: “Đưa xem nào!”.

- Tranh 2: Cảnh trước cửa một ngôi nhà. Một em gái đang nói với cô hàng xóm: “Nhờ cô nói với mẹ cháu là cháu sang nhà bà”.

- Tranh 3: Cảnh lớp học. Một em nhỏ muốn về chỗ ngồi đang nói với bạn ngồi bên ngoài: “Nam làm ơn cho mình đi nhờ vào trong”.

\*Kết luận: Việc làm trong tranh 2, 3 là đúng... Việc làm trong tranh 1 là sai vì bạn đó dù là anh nhưng muốn mượn đồ chơi của em cũng cần phải có lời yêu cầu, đề nghị.

#### 4- Hoạt động 3: Bày tỏ thái độ.

a- Em cảm thấy khó chịu khi yêu cầu, đề nghị người khác.

b- Nói lời yêu cầu, đề nghị là khách sáo, không cần thiết.

c- Chỉ nói lời yêu cầu, đề nghị với người lớn tuổi.

d- Chỉ cần dùng lời yêu cầu, đề nghị lịch sử là tự tôn trọng và tôn trọng người khác.

\*Kết luận: Ý d là đúng. Ý a, b, c là sai.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Cần phải nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp với mỗi tình huống.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS trả lời đúng, sai. Nhận xét, bổ sung.

### THỂ DỤC. Tiết: 41 ĐI THƯỜNG THEO VẠCH KẼ THẲNG


#### A- Mục tiêu:



- Ôn động tác đứng hai chân rộng bằng vai, hai tay đưa ra trước- sang ngang- lên cao thẳng hướng. Yêu cầu thực hiện tương đối chính xác.

- Học đi đường theo vạch kẻ thẳng. Yêu cầu thực hiện động tác tương đối.

#### B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi.

#### C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<b>I- Phần mở đầu:</b> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc. - Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...	7 phút	X 

- Ôn một số động tác của bài thể dục.		
<b>II- Phần cơ bản:</b> - Ôn đứng hai chân rộng bằng vai (hai bàn tay thẳng hướng) thực hiện các động tác tay (SGV/95). - Đi thường theo vạch kẻ thẳng. - Tập trung HS thành những hàng dọc sau vạch xuất phát. GV làm mẫu và giải thích cách đi. Sau đó cho HS đi theo. Yêu cầu đi tự nhiên. - Trò chơi “Chạy đổi chỗ, vỗ tay vào nhau”. - GV theo dõi, uốn nắn HS chơi.	<b>20 phút</b>	X 
<b>III- Phần kết thúc:</b> - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.	<b>8 phút</b>	X 

Thứ sáu ngày 25 tháng 01 năm 2008

**TOÁN. Tiết: 105**  
**LUYỆN TẬP CHUNG**

**A- Mục tiêu:**

- Ghi nhớ các bảng nhân đã học bằng thực hành tính và giải toán.
- Tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân.
- Đo độ dài đoạn thẳng. Tính độ dài đường gấp khúc.
- HS yếu: Ghi nhớ các bảng nhân đã học bằng thực hành tính và giải toán.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$4 \times 7 = 28$$

$$5 \times 9 = 45$$

BT 3/18.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Luyện tập chung:**

- BT 1/20: Hướng dẫn HS làm:

**Bảng lớp(2HS)**



<p>a- <math>2 \times 6 = 12</math>  <math>3 \times 6 = 18</math>  <math>4 \times 6 = 24</math>  <math>5 \times 6 = 30</math>                  b- <math>2 \times 3 = 6</math>  <math>3 \times 2 = 6</math></p> <p>- BT 2/20: Hướng dẫn HS làm:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 10%;">x</td><td style="width: 10%;">2</td><td style="width: 10%;">5</td><td style="width: 10%;">8</td><td style="width: 10%;">10</td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;">x</td><td style="width: 10%;">6</td><td style="width: 10%;">4</td><td style="width: 10%;">7</td><td style="width: 10%;">9</td> </tr> <tr> <td>3</td><td>6</td><td>15</td><td>24</td><td>30</td><td></td><td>4</td><td>24</td><td>16</td><td>28</td><td>36</td> </tr> </table> <p>- BT 3/20: Hướng dẫn HS làm:  <math>4 \times 5 &lt; 4 \times 6</math>  <math>4 \times 3 = 3 \times 4</math>  <math>2 \times 9 &gt; 4 \times 4</math></p> <p>- BT 4/20: GV tóm tắt bài:                  Tóm tắt:                  1 HS: 5 cây.                  7 HS: ? cây</p> <p><b>III- Hoạt động 3 (5 phút):</b> Cùng cố- Dặn dò.  <math>4 \times 5 = ?</math>  <math>3 \times 8 = ?</math>  <math>2 \times 9 = ?</math></p> <p>- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.</p>	x	2	5	8	10		x	6	4	7	9	3	6	15	24	30		4	24	16	28	36	<p><math>5 \times 10 = 50</math>  <math>4 \times 9 = 36</math>  <math>3 \times 8 = 24</math>  <math>2 \times 7 = 14</math>  <math>4 \times 3 = 12</math>  <math>3 \times 4 = 12</math></p> <p><b>Giải:</b>                  Số cây hoa 7 HS trồng là:  <math>5 \times 7 = 35</math> (cây)                  ĐS: 35 cây.</p> <p><math>4 \times 8 = ?</math>  <math>3 \times 6 = ?</math>  <math>2 \times 4 = ?</math></p>	<p><b>Miệng(HS yếu làm).</b></p> <p><b>3nhóm đại diện làm- Nhận xét- Tuyên dương. Bảng con</b></p> <p><b>Đọc đề. Làm vở- Làm bảng- Nhận xét- Đổi vở chấm.</b></p> <p><b>HS trả lời.</b></p>
x	2	5	8	10		x	6	4	7	9														
3	6	15	24	30		4	24	16	28	36														

**TẬP LÀM VĂN. Tiết: 21**  
**ĐÁP LỜI CẢM ƠN. TẢ NGẮN VỀ LOÀI CHIM**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Biệp đáp lại lời cảm ơn trong giao tiếp thông thường.
- Bước đầu biết cách tả một loài chim.
- HS yếu: Biệp đáp lại lời cảm ơn trong giao tiếp thông thường.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc BT 2/9.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm BT:**

- BT 1/12: Hướng dẫn HS thực hành đóng vai lần lượt theo

Cá nhân (2 HS).

Thực hành(HS

từng tình huống:

a- Em cho bạn mượn quyển truyện. Bạn em nói: “Cảm ơn bạn, tuần sau mình sẽ trả”.

Em đáp: Bạn không phải vội, mình chưa cần ngay đâu...

- BT 2/13: Hướng dẫn HS làm:

a- Những câu tả hình dáng của chim chích bông?

b- Những câu tả hoạt động của chim chích bông?

- BT 3/13: Hướng dẫn HS làm:

Em rất thích xem chương trình TV giới thiệu loài chim cánh cụt. Đó là một loài chim rất to, sống ở biển. Chim cánh cụt ấp trứng dưới chân, vừa đi vừa mang theo trứng dáng đi lùn cùn trông rất ngộ nghĩnh.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố - Dẫn dắt.

- Về nhà tìm hiểu thêm một số loài chim- Nhận xét.

yếu). Nhận xét.

Làm vở. Đọc bài làm của mình.

Nhận xét, bổ sung.

Miệng.

Là một con chim bé xinh đẹp.

Hai chân: xinh xinh..

Hai cánh: nhỏ xíu

Hai cái chân tằm nhảy cứ liên liên.

Cánh nhỏ xoải...

Vờ.

Đọc bài của mình. Nhận xét.

### THỂ DỤC. Tiết: 42

#### ĐI THEO VẠCH KẼ THẲNG, HAI TAY CHỐNG HÔNG (DANG NGANG)

#### TRÒ CHƠI: “NHẢY Ô”


##### A- Mục tiêu:



- Học đi theo vạch kẻ thẳng 2 tay chống hông.

- Ôn trò chơi: “Nhảy ô”. Yêu cầu chơi nghiêm túc.

**B- Địa điểm, phương tiện:** Sân trường, còi. Tranh vẽ đi theo vạch kẻ thẳng 2 tay chống hông(dang ngang).

##### C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<b>I- Phần mở đầu:</b> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc.	<b>7 phút</b>	X 

- Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...		
<b>II- Phần cơ bản:</b> - Ôn đứng hai chân rộng bằng vai. - Đi theo vạch kẻ thẳng 2 tay chống hông. - GV làm mẫu và giải thích cách đi. Sau đó cho HS đi theo. - Trò chơi “Nhảy ô” (SGV/97).	<b>20 phút</b>	<p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> 
<b>III- Phần kết thúc:</b> - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDDT – Nhận xét.	<b>8 phút</b>	<p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> 

## SINH HOẠT LỚP TUẦN 21

### A- Mục tiêu:

#### 1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 20:

##### a)- Ưu:

- Hầu hết HS mua đầy đủ sách vở HKII.
- Đi học đều, đúng giờ.
- Ra vào lớp có xếp hàng nghiêm túc.
- Duy trì phong trào “Đôi bạn cùng tiến”.
- Chữ viết có tiến bộ.

##### b)- Khuyết:

- Một vài em chưa có tinh thần tự học.
- Còn nghịch phá bạn.

#### 2- Mục tiêu:

- Cho HS hiểu ý nghĩa của ngày 03/02.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

### B- Nội dung:

#### 1- Hoạt động trong lớp:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 03/02/1930: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.
- GV hát mẫu → từng câu.
- Hát cả bài.

Nghe, nhắc lại  
(Cá nhân, đồng thanh).

Lớp đồng thanh hát.

**2- Hoạt động ngoài trời:**

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Đi chợ; Vòng tròn; Bỏ khăn; Chim sỏ lông; Nhảy ô.
- GV cùng HS tập một số động tác hồi tĩnh.

**C- Phương hướng tuần 21:**

- Tiếp tục phong trào: “Rèn chữ viết”.
- Tăng cường kiểm tra bài đầu giờ.

[hoc360.net](http://hoc360.net)

**TUẦN 22**

**Thứ hai ngày 11 tháng 02 năm 2008**

**TẬP ĐỌC. Tiết: 64 + 65**  
**MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.
- Biết đọc phân biệt lời người kể với lời nhân vật.
- Hiểu ý nghĩa các từ: ngẫm, cuống quýt, dẫn đo, coi thường.
- Hiểu điều câu chuyện muốn nói: Khó khăn, hoạn nạn, thử thách trí thông minh, sự bình tĩnh của mỗi người. Chớ kiêu căng, hợm mình, xem thường người khác.
- HS yếu: Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.

**B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: học thuộc lòng bài thơ “Về chim”.  
Đọc và trả lời câu hỏi (2 HS).

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (70 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Luyện đọc:**

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: cuống quýt, reo lên, lầy gầy, buồn bã, nháy vọt,...
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Hướng dẫn cách đọc.
- Rút từ mới: ở cuối bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.

Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng thanh.  
Nói tiếp.

Giải thích.  
Theo nhóm(HS yếu đọc nhiều).  
Đoạn (cá nhân)  
Đồng thanh.

- Thi đọc giữa các nhóm.

- Hướng dẫn đọc toàn bài.

**Tiết 2**

**3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:**

- Tìm những câu nói lên thái độ của Chồn coi thường Gà rừng?

- Khi gặp nạn thì Chồn ntn?

Ít thế sao? Minh thì có hàng trăm. Sợ hãi và chẳng nghĩ ra được điều gì?

- Gà rừng đã nghĩ ra điều gì để cả 2 thoát chết?

Giả chết rồi vùng chạy.

- Thái độ của Chồn đối với Gà rừng thay đổi ra sao?

Thấy trí khôn của bạn bằng trăm trí

- Chọn một tên khác cho truyện?

**4- Luyện đọc lại:**

- Gọi HS thi đọc lại câu chuyện theo lối phân vai.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- Em thích con vật nào trong truyện? Vì sao?

- Về nhà luyện đọc lại, trả lời câu hỏi- Nhận xét.

khôn của mình.  
Gà rừng thông minh.

3 nhóm.

Gà rừng vì thông minh.

**TOÁN. Tiết: 106.  
KIỂM TRA**

**1- Tính:**

$2 \times 7 =$

$4 \times 5 =$

$3 \times 6 =$

$5 \times 3 =$

$5 \times 8 =$

$2 \times 9 =$

$4 \times 3 =$

$3 \times 8 =$

**2- Tính:**

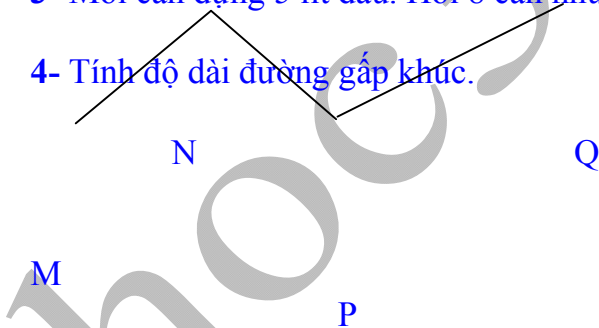
$5 \times 5 + 6 =$

$2 \times 9 - 18 =$

$3 \times 7 + 29 =$

3- Mỗi can đựng 5 lít dầu. Hỏi 8 can như thế đựng bao nhiêu lít dầu?

4- Tính độ dài đường gấp khúc.



Đáp án: - Bài 1: 2 điểm.  
- Bài 2: 3 điểm.  
- Bài 3: 3 điểm.  
- Bài 4: 2 điểm.

**Thứ ba ngày 12 tháng 02 năm 2008  
TOÁN. Tiết: 107**

## PHÉP CHIA

### A- Mục tiêu:

- Bước đầu nhận biết phép chia trong mối quan hệ với phép nhân.
- Biết viết, đọc và tính kết quả của phép chia.
- HS yếu: Bước đầu nhận biết phép chia.

**B- Các hoạt động dạy học:** Các mảnh bìa hình vuông bằng nhau.

### C- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Nhận xét bài kiểm tra.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Nhắc lại phép nhân:  $3 \times 2 = 6$**

Mỗi phần có 3 ô. Hỏi 2 phần có mấy ô?

Ta làm phép tính gì? Mấy x mấy?

**3- Giới thiệu phép chia cho 2:**

- GV kẻ một vạch ngang như SGK.

6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, hỏi mỗi phần có mấy ô?

Ta đã thực hiện được 1 phép tính mới là phép chia:

$6 : 2 = 3 \rightarrow$  Ghi bảng.

Dấu : gọi là dấu chia.

**4- Giới thiệu phép chia cho 3:**

Để mỗi phần có 3 ô thì chia 6 ô thành mấy phần?

Như vậy:  $6 : 3 = 2$ .

**5- Nêu nhận xét quan hệ giữa phép nhân và phép chia:**

Mỗi phần có 3 ô, 2 phần có bao nhiêu ô?

Có 6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có mấy ô?

Có 6 ô, chia mỗi phần 3 ô thì được mấy phần?

Từ 1 phép nhân ta có thể lập được 2 phép chia tương ứng:

$3 \times 2 = 6 \rightarrow 6 : 2 = 3$

$\rightarrow 6 : 3 = 2$

**6- Thực hành:**

- BT 1/21: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \times 4 = 8$$

$$8 : 2 = 4$$

$$8 : 4 = 2$$

$$4 \times 3 = 12$$

$$12 : 3 = 4$$

$$12 : 4 = 3$$

$$5 \times 4 = 20$$

$$20 : 4 = 5$$

$$20 : 5 = 4$$

- BT 2/21: Hướng dẫn HS làm:

a-  $5 \times 2 = 10$

$$10 : 2 = 5$$

$$10 : 5 = 2$$

b-  $3 \times 5 = 15$

$$15 : 3 = 5$$

$$15 : 5 = 3$$

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố - Dặn dò.

6 ô.

Nhân:  $3 \times 2 = 6$ .

3 ô.

Nhắc lại.

2 phần.

$3 \times 2 = 6$ .

$6 : 2 = 3$ .

$6 : 3 = 2$ .

Bảng con. HS yếu làm bảng lớp.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét. Đổi vở chấm.

12 : 2 = ?

12 : 6 = ?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

6.

2.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 43 MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN

### A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng một đoạn trong truyện “Một trí khôn hơn trăm trí khôn”.

- Luyện viết các chữ có âm đầu và dấu thanh dễ lẫn.

- HS yếu: Có thể cho tập chép.

### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết:

châu chấu, chân trời, luộc rau.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn nghe viết:**

- GV đọc đoạn viết.

+Sự việc gì xảy ra với Chồn và Gà rừng trong lúc dạo chơi?

+Tìm câu nói của người thợ săn?

+Câu nói đó được đặt trong dấu gì?

- Luyện viết từ khó: buổi sáng, cuống quýt, reo lên,...

- GV đọc từng câu, cụm từ.

**3- Chấm, chữa bài:**

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

Chấm bài: 5- 7 bài.

**4- Hướng dẫn HS làm BT:**

- BT 1a/14: Hướng dẫn HS làm:

a- reo, giật, gieo.

- BT 2b/14: Hướng dẫn HS làm:

b- vắng, thỏ thẻ, ngần.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố - Dặn dò.

- Cho HS viết lại: cuống quýt.

- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

Bảng con + bảng  
lớp (3 HS).

2 HS đọc lại.

Gặp người đi săn  
nấp vào hang.

Có mà trốn đằng  
trời.

Dấu hai chấm.

Bảng con. Nhận  
xét.

Viết vào vở. Hs yếu  
tập chép.

HS đổi vở dò.

2 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét.

Bảng.



## KỂ CHUYỆN. Tiết: 22 MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN

### A- Mục đích yêu cầu:

- Đặt tên được cho từng đoạn truyện.
- Kể lại được từng đoạn câu chuyện với giọng phù hợp.
- Tập trung theo dõi bạn kể, kể tiếp lời bạn. Biết nhận xét.
- HS yếu: Kể lại được từng đoạn câu chuyện.

### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Chim sơn ca và bông cúc trắng. Kể nối tiếp.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2:** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn kể chuyện:**

a- Đặt tên cho từng đoạn câu chuyện:

- Gọi HS đọc yêu cầu.

Tên của mỗi đoạn câu chuyện cần thể hiện được nội dung chính của đoạn.

- Hướng dẫn HS đọc thầm đoạn 1, 2.

- Tương tự đoạn 3, 4.

+Đoạn 1: Chú Chồn kêu ngao.

+Đoạn 2: Trí khôn của Chồn.

+Đoạn 3: Trí khôn của Gà rừng.

+Đoạn 4: Gặp lại nhau.

b- Kể từng đoạn câu chuyện:

- Hướng dẫn HS kể.

- HS thi kể nối tiếp 4 đoạn.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**III- Hoạt động 3:** Củng cố - Dặn dò.

- Về nhà kể lại câu chuyện- Nhận xét.

Cá nhân.

Cá nhân.

Nhận xét.

Theo nhóm.

Cá nhân đại diện

kể, nhận xét.

## THỦ CÔNG. Tiết: 22 GẤP, CẮT DÁN PHONG BÌ (Tiết 2)

### A- Mục tiêu:

- HS biết cách gấp, cắt, dán phong bì.

- Gấp, cắt, dán được phong bì.

- Thích dùng phong bì để sử dụng.

**B- Chuẩn bị:** Phong bì mẫu và mẫu thiệp chúc mừng.

Quy trình gấp, cắt, dán phong bì có hình vẽ minh họa. Một tờ giấy hình chữ nhật. Thước, bút, chì, hồ, kéo,...

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay, các em sẽ tiếp tục học bài “Gấp, cắt, dán phong bì” → Ghi.

**2- Hướng dẫn HS thực hành gấp, cắt, dán phong bì:**

- Gọi HS nhắc lại quy trình gấp:

+Bước 1: Gấp phong bì.

+Bước 2: Cắt phong bì.

+Bước 3: Dán thành phong bì.

- Tổ chức cho HS thực hành.

- Theo dõi uốn nắn.

- Tổ chức cho HS trình bày sản phẩm.

Thực hành.  
Cá nhân.

Nhóm.

Nhận xét, tuyên dương.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dẫn dò

- GV nêu lại cách gấp, cắt, dán phong bì sao cho đẹp?

- Về nhà tập làm lại- Nhận xét.

Thứ tư ngày 13 tháng 02 năm 2008

**TẬP ĐỌC. Tiết: 66**  
**CÒ VÀ CUỐC**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Đọc lưu loát. Nghắt nghỉ hơi đúng.

- Biết đọc với giọng đọc vui, nhẹ nhàng. Biết đọc phân biệt lời người kể với lời nhân vật.

- Hiểu nghĩa các từ khó: cuốc, thành thoi,...

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Phải lao động vất vả mới có lúc thành thoi sung sướng.

- HS yếu: Đọc lưu loát. Nghắt nghỉ hơi đúng.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Một trí khôn hơn trăm trí khôn.

Đọc và trả lời câu hỏi.

- Nhận xét- Ghi điểm.

## II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Cò và Cuốc là 2 loài chim cùng kiếm ăn trên đồng ruộng. Cuốc sống trong bụi cây, thấy Cò có bộ áo trắng phau, thường bay trên trời cao mà vẫn phải lội ruộng bùn bắt tép thì thấy làm lạ lắm. Các em hãy xem Cò giải thích cho cuốc thể nào nhé? → Ghi.

### 2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: lội ruộng, trắng tinh, kiếm ăn, vát vả,...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Rút từ mới: cuốc, thanh thoi,...
- Luyện đọc đoạn.

- Thi đọc giữa các nhóm.

### 3- Tìm hiểu bài:

- Thấy Cò lội ruộng Cuốc hỏi ntn?
- Vì sao Cuốc lại hỏi như vậy?
- Câu trả lời của Cò chứa một lời khuyên. Lời khuyên ấy là gì?

### 4- Luyện đọc lại:

Hướng dẫn HS đọc theo vai.

## III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Truyện này khuyên ta điều gì?
- Về nhà đọc và trả lời câu hỏi lại bài- Nhận xét.

Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng  
thanh.

Nói tiếp.  
Giải thích.  
Nhóm(HS yếu  
đọc nhiều).  
Cá nhân.

Chị bắt tép vát vả  
thế chẳng  
sợ...sao?  
Cuốc nghĩ rằng  
áo Cò trắng  
phao...  
HS trả lời.

2 nhóm.

Phải lao động  
mới sung sướng  
ấm no.

## TOÁN. Tiết: 108 BẢNG CHIA 2

### A- Mục tiêu:

- Lập bảng chia 2. Thực hành chia 2.

- HS yếu: Thực hành chia 2.

**B- Đồ dùng dạy học:** Chuẩn bị các tấm bìa, mỗi tấm có 2 chấm tròn.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT.

Thành lập các phép chia tương ứng từ phép nhân:  $5 \times 3 = 15$ .

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

**2- Giới thiệu phép chia 2 từ phép nhân 2:**

- Nhắc lại phép nhân 2.

Gắn lên bảng 4 tấm bìa, mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn. Hỏi có tất cả có mấy chấm tròn? Muốn biết ta làm phép tính gì?

Mấy nhân mấy?

- Nhắc lại phép chia:

Trên các tấm bìa có 8 chấm tròn. Mỗi tấm có 2 chấm tròn.

Hỏi có mấy tấm bìa? Ta làm ntn?

- Nhận xét.

- Từ phép nhân:  $2 \times 4 = 8$  ta có phép chia 2 là:  $8 : 2 = 4$ .

**3- Lập bảng chia 2:**

- Tương tự như trên.

- Hướng dẫn HS học thuộc lòng bảng chia 2.

**4- Thực hành:**

- BT 1/22: Hướng dẫn HS làm:

$$8 : 2 = 4$$

$$4 : 2 = 2$$

$$12 : 2 = 6$$

$$6 : 2 = 3$$

$$2 : 2 = 1$$

$$10 : 2 = 5$$

- BT 2/22: Hướng dẫn HS làm.

Số quả cam trong 1 đĩa là:

$$8 : 2 = 4 \text{ (quả)}$$

ĐS: 4 quả.

- BT 3/22: Hướng dẫn HS làm:

$$6 : 2 \rightarrow \textcircled{3} \quad 18 : 2$$

$$\textcircled{9} \leftarrow \quad \textcircled{5}$$

$$10 : 2 \rightarrow \quad 8 : 2$$

$$\textcircled{8} \leftarrow \quad \textcircled{4}$$

Bảng con + bảng lớp.

8 tấm tròn.

Nhân.

$$2 \times 4.$$

Có 4 tấm bìa.

$$8 : 2 = 4.$$

Cá nhân.

Miệng.

HS yếu làm bảng lớp.

Nhận xét.

Làm vở, làm

bảng. Nhận xét.

Tự chấm vở.

2 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét. Tuyên dương.

16 : 2

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô - Dẫn dò.

$8 : 2 = ?$  ;  $4 : 2 = ?$

$10 : 2 = ?$  ;  $16 : 2 = ?$

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS trả lời.

**TẬP VIẾT. Tiết: 22**  
**CHỮ HOA S**

**A- Mục đích yêu cầu:** Rèn kỹ năng viết chữ:

- Biết viết chữ hoa S theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Biết viết cụm từ ứng dụng “Sáo tẩm thì mưa” theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.

- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, đều nét, nổi chữ đúng quy định và viết đẹp.

**B- Đồ dùng dạy học:**

Mẫu chữ viết hoa S. Viết sẵn cụm từ ứng dụng.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết chữ hoa R, Ríu.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa S → ghi bảng.

**2- Hướng dẫn viết chữ hoa:**

- GV đính chữ mẫu lên bảng.

- Chữ hoa S cao mấy ô li?

- Chữ hoa S có một nét viết liền, là kết hợp của 2 nét cơ bản cong dưới và móc ngược nổi liền nhau tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, cuối nét móc ngược vào trong.

- Hướng dẫn cách viết.

- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.

- Hướng dẫn HS viết bảng con.

**3- Hướng dẫn HS viết chữ Sáo:**

- Cho HS quan sát và phân tích chữ Sáo.

- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.

- Nhận xét.

**4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:**

- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.

Bảng lớp, bảng con (2 HS).

Quan sát.  
5 ô li.

Quan sát.  
Quan sát.  
Bảng con.

Cá nhân.  
Quan sát.  
Bảng con.

HS đọc.

- Gọi HS đọc cụm từ ứng dụng.
- Giải nghĩa cụm từ ứng dụng.
- Hướng dẫn HS quan sát và phân tích cấu tạo của câu ứng dụng về độ cao, cách đặt dấu thanh và khoảng cách giữa các con chữ...
- GV viết mẫu.

**5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV:**

Hướng dẫn HS viết theo thứ tự:

- 1 dòng chữ S cỡ vừa.
- 1 dòng chữ S cỡ nhỏ.
- 1 dòng chữ Sáo cỡ vừa.
- 1 dòng chữ Sáo cỡ nhỏ.
- 1 dòng câu ứng dụng.

**6- Chấm bài:** 5- 7 bài. Nhận xét.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò

- Cho HS viết lại chữ **S, Sáo**.
- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.

Cá nhân.

4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.

Quan sát.

HS viết vở.

Bảng (HS yếu)

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 22**  
**CUỘC SỐNG XUNG QUANH**

**A- Mục tiêu:**

- HS biết kể tên một số nghề nghiệp và nói được những hoạt động sinh sống của người dân ở địa phương mình.
- Có ý thức gắn bó và yêu mến quê hương.

**B- Đồ dùng dạy học:** Tranh ảnh trong SGK.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ:

- Người dân nơi em sống thường làm gì? Bạn có thể mô tả lại ngành nghề đó cho các bạn trong lớp biết được không?
- Nhận xét.

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Hôm nay các em sẽ tiếp tục tìm hiểu tên một số nghề nghiệp của người dân ở địa phương mình → Ghi.

**2- Hoạt động 1:** Kể tên một số ngành nghề ở thành phố

- Hướng dẫn HS thảo luận một số ngành nghề ở thành phố.

- Từ kết quả thảo luận trên em rút ra được điều gì?

HS trả lời (2 HS).

Thảo luận theo cặp. Công an, bác sĩ...

Ở thành phố cũng

\*Kết luận: Cũng như ở các vùng nông thôn khác nhau ở mọi miền tổ quốc những người ở thành phố cũng làm nhiều ngành nghề khác nhau.

**3- Hoạt động 2:** Kể và nói tên một số ngành nghề của người dân ở thành phố qua hình vẽ.

- Thảo luận nhóm:

+Mô tả lại những gì nhìn thấy trong hình vẽ?

+Nói tên ngành nghề của những người dân trong hình vẽ?

- Nhận xét- Bổ sung.

**4- Hoạt động 3:** Liên hệ thực tế.

Thảo luận theo từng cặp để biết bạn mình sống ở huyện nào?

Những người dân nơi bạn sống làm nghề gì? Hãy mô tả lại công việc của họ cho cả lớp biết?

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dẫn dò.

- Trò chơi: Bạn làm nghề gì? Cách chơi SGK/93.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

có nhiều ngành nghề khác nhau.

4 nhóm.

Đại diện trả lời.

Nhận xét, bổ sung.

Thảo luận.

Trình bày.

HS chơi

- Thứ năm ngày 14 tháng 02 năm 2008

**TOÁN. Tiết: 109**  
**MỘT PHẦN HAI**

**A- Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết “một phần hai”; biết viết và đọc  $\frac{1}{2}$ .

- HS yếu: biết viết và đọc  $\frac{1}{2}$ .

**B- Đồ dùng dạy học:** Hai tấm bìa hình tam giác cân.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS đọc bảng chia 2 và làm BT 2/22.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

**2- Giới thiệu “một phần hai”:**

- Cho HS quan sát hình vuông theo hình vẽ.

Hình vuông được chia thành mấy phần bằng nhau?

Trong đó có một phần tô màu, như thế đã tô màu  $\frac{1}{2}$  hình vuông.

- Hướng dẫn HS viết:  $\frac{1}{2}$ .

- Đọc: Một phần hai.

Bảng lớp (2 HS).

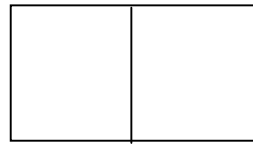
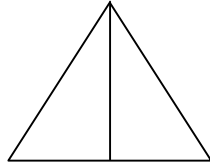
Quan sát.  
2 phần bằng nhau.

Bảng con.

\*Chia hình vuông thành 2 phần bằng nhau, lấy đi một phần (tô màu) được  $\frac{1}{2}$  hình vuông ( $\frac{1}{2}$  còn gọi là một nửa).

**3- Thực hành:**

- BT 1/23: Hướng dẫn HS làm:



Làm vở, HS yếu làm bảng. Nhận xét. Nhận xét. Tự chấm vở.

- BT 3/23: Hướng dẫn HS làm:

Hướng dẫn HS khoanh vào  $\frac{1}{2}$  số con vật và tô màu vào số con vật đó.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô- Dẫn dò.

- Trò chơi: BT 4/23.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Làm vở. Làm bảng. Nhận xét. Tự chấm vở.

2 nhóm.

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 22**  
**TỪ NGỮ VỀ CHIM. DẤU CHẤM, DẤU PHẨY.**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Mở rộng vốn từ về chim chóc: biết thêm tên một số loài chim, một số thành ngữ về loài chim.

- Luyện tập sử dụng dấu chấm, dấu phẩy.

- HS yếu: biết thêm tên một số loài chim, một số thành ngữ về loài chim.

**B- Đồ dùng dạy học:** Viết sẵn BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 3/11.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài học → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm bài tập:**

- BT 1/15: Hướng dẫn HS làm:

Chào mào, sẻ, cò, đại bàng, vẹt, sáo sậu, cú mèo.

- BT 2/15: Hướng dẫn HS làm:

Đen như quạ.

Thực hành đối đáp (2 HS).

Miệng(HS yếu làm).

2 nhóm. Đại diện



Hôi như cũ.

Nhanh như cắt.

Nói như vẹt.

Hót như khướu.

- BT 3/15: Hướng dẫn HS làm:

Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò. Chúng thường cùng ở, cùng ăn, cùng làm việc và đi chơi cùng nhau. Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dẫn dò.

- Gọi HS đọc BT 3.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

làm. Nhận xét.

Tuyên dương.

Làm vở. 2 HS  
đọc bài làm. Đối  
vở chấm.

Nhận xét.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 42 CÒ VÀ CUỐC

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng một đoạn truyện: Cò và Cuốc.

- Làm đúng các BT phân biệt: r/d/gi, ?/~.

- HS yếu: Có thể cho tập chép.

**B- Đồ dùng dạy học:** Ghi sẵn BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: reo hò, gìn giữ

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn nghe viết:**

- GV đọc bài viết.

- Đoạn viết nói chuyện gì?

- Bài chính tả có 1 câu hỏi của Cuốc và 1 câu trả lời của Cò.  
Các câu nói của Cuốc và Cò được đặt sau dấu câu nào?

- Luyện viết từ khó: ruộng, cuốc, bụi rậm, bùn bấn bấn.

- GV đọc từng câu, cụm từ.

**3- Chấm, chữa bài:**

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

Bảng con.

2 HS đọc lại.  
Cuốc thấy Cò lội  
ruộng hỏi Cò có  
ngại không?  
Dấu hai chấm và  
dấu gạch đầu  
dòng.

Bảng con.  
HS viết vào  
vở. HS yếu tập  
chép.

Đối vở dò.

- Chấm bài: 5- 7 bài.

#### 4- Hướng dẫn HS làm BT:

- BT 1a/16: Hướng dẫn HS làm:

a- Ăn riêng, ra giêng.

Loài dơi, roi rụng.

Sáng dạ, rơm rạ.

- BT 2b/17: Hướng dẫn HS làm:

b- Tàu thủy, suy nghĩ.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố - Dặn dò.

- Cho HS viết lại: bùn, ruộng.

- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

2 nhóm. Đại diện làm. Nhận xét, bổ sung.

Làm vở.

Bảng con.

### ĐẠO ĐỨC. Tiết: 22

#### BIẾT NÓI LỜI YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ (Tiếp theo)

##### A- Mục tiêu:

- Cần nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp trong các tình huống khác nhau.
- Lời yêu cầu, đề nghị phù hợp thể hiện sự tôn trọng và tôn trọng người khác.
- HS biết sử dụng lời yêu cầu, đề nghị phù hợp trong giao tiếp.
- HS có thái độ quý trọng những người biết nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp.

##### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (3 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS trả lời câu hỏi:

- Cần nói lời yêu cầu, đề nghị với người lớn tuổi là đúng hay sai? Vì sao?
- Biết nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự là tự tôn trọng và tôn trọng người khác là đúng hay sai? Vì sao?

**II- Hoạt động 2 (27 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

**2- Hoạt động 1:** HS tự liên hệ.

- Những em nào đã biết nói lời yêu cầu, đề nghị khi cần được sự giúp đỡ?

- Hãy kể một vài trường hợp.

- Khen những HS biết thực hiện bài học.

**3- Hoạt động 2:** Đóng vai.

- GV nêu tình huống.

+Em muốn được bố và mẹ cho đi chơi ngày thứ 7.

+Em muốn hỏi thăm chú công an đường đi đến nhà người quen.

+Em muốn nhờ em bé lấy hộ chiếc bút.

HS trả lời.  
Nhận xét.

HS kể.

Thảo luận đóng vai theo cặp. Đại diện đóng vai.  
Nhận xét.

\*Kết luận: Khi cần đến sự giúp đỡ, dù nhỏ của người khác, em cần có lời nói và hành động, cử chỉ phù hợp.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: “Văn minh lịch sự”.

- GV phổ biến luật chơi.

Lớp trưởng đứng trên bảng nói to một câu đề nghị nào đó đối với các bạn trong lớp.

VD: Mời các bạn đứng lên.

Mời các bạn ngồi xuống.

Tôi muốn đề nghị các bạn giơ tay phải.

Nếu là lời đề nghị lịch sự thì HS trong lớp sẽ làm theo và ngược lại.

\*Kết luận chung: Biết nói lời yêu cầu, đề nghị phù hợp trong giao tiếp hàng ngày là tự tôn trọng và tôn trọng người khác.

- Về nhà làm theo bài học- Nhận xét.

HS thực hiện trò chơi.

**THỂ DỤC. Tiết: 43**  
**ÔN MỘT SỐ BÀI TẬP ĐI THEO VẠCH KẼ THẲNG**  
**TRÒ CHƠI: NHẢY Ô**


**A- Mục tiêu:**


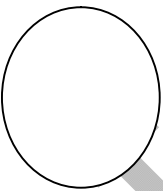


- Ôn 2 động tác đi theo vạch kẻ thẳng 2 tay chống hông. Đi theo vạch kẻ thẳng hai tay dang ngang. Yêu cầu thực hiện tương đối chính xác về tư thế của bàn chân và tư thế của 2 tay.

- Ôn trò chơi: Nhảy ô. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động.

**B- Địa điểm, phương tiện:** Sân trường, còi. Tranh đi theo vạch kẻ thẳng.

**C- Nội dung và phương pháp lên lớp:**

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<b>I- Phần mở đầu:</b> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc.	<b>7 phút</b>	X  X X X X X X X X X X X X

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...</li> <li>- Đi theo vòng tròn và hít thở sâu.</li> <li>- Ôn một số động tác của bài thể dục.</li> </ul>		<p style="text-align: center;">X X X X</p>  
<p><b>II- Phần cơ bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo vạch kẻ thẳng hai tay chống hông.</li> <li>- HS tập. GV theo dõi uốn nắn, sửa sai.</li> <li>- Đi theo vạch kẻ thẳng hai tay dang ngang.</li> <li>- Trò chơi “Nhảy ô”.</li> <li>- GV nêu tên trò chơi, nhắc lại cách chơi.</li> </ul>	<b>20 phút</b>	<p style="text-align: center;">X X</p> 
<p><b>III- Phần kết thúc:</b></p>	<b>8 phút</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi đều theo 2- 4 hàng dọc.</li> <li>- Cuối người thả lỏng.</li> <li>- Nhảy thả lỏng.</li> <li>- GV cùng HS hệ thống lại bài.</li> <li>- Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.</li> </ul>		<p style="text-align: center;">X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 

Thứ sáu ngày 15 tháng 02 năm 2008

**TOÁN. Tiết: 110**

**LUYỆN TẬP**

**A- Mục tiêu:**

- Giúp HS học thuộc lòng bảng chia 2 rèn kỹ năng vận dụng bảng chia 2.
- HS yếu: đi theo vạch kẻ thẳng.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 1/23.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

**2- Luyện tập:**

- BT 1/24: Hướng dẫn HS làm:

Bảng con, bảng lớp (1 HS).

$$4 : 2 = 2$$
$$14 : 2 = 7$$

$$8 : 2 = 4$$
$$18 : 2 = 9$$

Làm miệng. HS  
yếu làm bảng.

- BT2/24: Tính nhẩm:  
 $2 \times 5 = 10$   
 $10 : 2 = 5$
- BT3/24: HDHS làm.

Bảng con.

**Giải:**

Số cái bánh mỗi hộp là:  
 $10 : 2 = 5$  (cái bánh)  
ĐS: 5 cái bánh.

1 HS làm bảng  
lớp. Nhận xét.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố- Dặn dò.

- BT 5/24.

2 nhóm làm.  
Nhận xét.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

**TẬP LÀM VĂN. Tiết: 22**  
**ĐÁP LỜI XIN LỖI. TẢ NGẮN VỀ LOÀI CHIM**

**A- Mục đích yêu cầu:**

- Biếp đáp lời xin lỗi trong giao tiếp đơn giản.
- Biết sắp xếp lại các câu đã cho thành đoạn văn hợp lý.
- HS yếu: Biếp đáp lời xin lỗi trong giao tiếp đơn giản.

**B- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc BT 3/13.

Nhận xét.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Bài TLV hôm nay sẽ tập cho các em biết đáp lời xin lỗi và tả ngắn về loài chim → Ghi.

**2- Hướng dẫn làm BT:**

- BT 1/17: Hướng dẫn HS làm theo nhóm.
- c- Em đáp: Lần sau bạn cần thận hơn nhé.
- d- Không sao. Mai cũng được.

2 HS. Đại diện  
đóng vai(HS  
yếu). Nhận xét,  
bổ sung.

- BT 2/18: Hướng dẫn HS làm:

Làm vở. 3 HS

HS viết theo thứ tự: b, a, d, c.

đọc bài. Nhận xét.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Củng cố - Dẫn dò.

- Gọi HS đọc lại BT 2/18.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Nhận xét.

**THỂ DỤC. Tiết: 44**  
**ĐI KIỂNG GÓT HAI TAY CHỐNG HÔNG**  
**TRÒ CHƠI: “NHẢY Ô”**




**A- Mục tiêu:**

- Ôn một số bài tập RLTTTCB. Học đi kiểng gót 2 tay chống hông. Yêu cầu thực hiện động tác tương đối đúng.

- Tiếp tục học trò chơi: “Nhảy ô”. Yêu cầu nắm vững cách chơi.

**B- Địa điểm, phương tiện:** Sân trường, còi. Tranh đi kiểng gót 2 tay chống hông.

**C- Nội dung và phương pháp lên lớp:**

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p><b>I- Phần mở đầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học.</li> <li>- Chạy nhẹ nhàng thành một hàng dọc.</li> <li>- Xoay các khớp tay, chân, vai, hông,...</li> </ul>	<b>7 phút</b>	<p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> 
<p><b>II- Phần cơ bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo vạch kẻ thẳng 2 tay dang ngang.</li> <li>- Đi kiểng gót hai tay chống hông.</li> <li>- Thi đi kiểng gót hai tay chống hông.</li> <li>- Nhận xét- Khen thưởng.</li> <li>- Trò chơi “Nhảy ô”.</li> <li>- Chia 4 tổ chơi.</li> </ul>	<b>20 phút</b>	<p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> <p>X X X X</p> 
<p><b>III- Phần kết thúc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối người thả lỏng.</li> <li>- Nhảy thả lỏng.</li> <li>- GV cùng HS hệ thống lại bài.</li> <li>- Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.</li> </ul>	<b>8 phút</b>	<p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X</p> 

## SINH HOẠT LỚP TUẦN 22

### A- Mục tiêu:

#### 1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 22:

##### a)- Ưu:

- Duy trì sĩ số, đi học chuyên cần..
- Có tiến bộ trong học tập.
- Chữ viết có tiến bộ.
- Thể dục giữa giờ khẩn trương.

##### b)- Khuyết:

- Một vài em chưa vâng lời.
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

#### 2- Mục tiêu:

- Cho HS hiểu ý nghĩa của ngày 03/02.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

### B- Nội dung:

#### 1- Hoạt động trong lớp:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 03/02/1930: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

GV hát mẫu → từng câu.

Hát cả bài.

#### 2- Hoạt động ngoài trời:

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Đi chợ; Vòng tròn; Bỏ khăn; Chim sỏ lông; Nhảy ô; Mèo đuổi chuột.
- GV cùng HS tập một số động tác hồi tĩnh.

### C- Phương hướng tuần 23:

- Hát 10 bài hát truyền thống.
- Tiếp tục phong trào: “Rèn chữ viết”.
- Thu các khoản tiền theo quy định.

Nghe, nhắc lại  
(Cá nhân, đồng  
thanh).

Lớp đồng thanh  
hát.

## TUẦN 23

Thứ hai ngày 18 tháng 02 năm 2008

### TẬP ĐỌC. Tiết: 67 + 68 BÁC SĨ SÓI

#### A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.
- Biết đọc phân biệt lời người kể với lời nhân vật.
- Hiểu ý nghĩa các từ: khoan thai, phát hiện,...
- Hiểu nội dung truyện: Sói gian ngoan bày mưu kế định lừa ngựa để ăn thịt không ngờ bị ngựa thông minh trị lại.
- HS yếu: Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.

#### B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cò và Cuốc.  
Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (70 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** Trong tuần 23, 24 các em sẽ học chủ điểm “Muông thú” nói về thế giới các loài thú. Mở đầu chủ điểm là truyện đọc “Bác sĩ sói” → Ghi.

#### **2- Luyện đọc:**

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: toan xông đến, khoác lên người, giả giọng, lễ phép,...
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Rút từ mới: khoan thai, phát hiện, bình tĩnh, làm phúc,...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn theo nhóm.

- Thi đọc giữa các nhóm.
- Hướng dẫn đọc toàn bài.

#### Tiết 2

#### **3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:**

- Từ ngữ nào tả sự thèm thuồng của Sói khi thấy Ngựa?
- Sói làm gì để lừa ngựa?
- Ngựa đủ bình tĩnh giả đau ntn?

Đọc và trả lời câu hỏi (2 HS).

HS đọc lại.  
Nói tiếp.  
Cá nhân, đồng thanh.  
Nói tiếp.  
Giải thích.

Theo nhóm(HS yếu đọc nhiều).  
Đoạn (cá nhân)  
Đồng thanh.

Thèm rõ dãi.  
Giả làm bác sĩ.  
Biết mưu của Sói, Ngựa nói là mình bị đau ở chân sau, nhờ Sói làm ơn xem giúp.



- Tả lại cảnh Sói bị ngựa đá?

- Chọn tên khác cho truyện theo gợi ý?

#### 4- Luyện đọc lại:

- Hướng dẫn HS đọc lại câu chuyện theo lối phân vai.

#### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Sói làm gì để lừa ngựa?

- Về nhà luyện đọc lại, trả lời câu hỏi- Nhận xét.

Sói mon men lại phía sau Ngựa... Anh Ngựa thông minh.

3 nhóm.

Giả làm bác sĩ.

## TOÁN. Tiết: 111 SỐ BỊ CHIA - SỐ CHIA – THƯƠNG

#### A- Mục tiêu:

- Biết gọi tên theo vị trí, thành phần và kết quả của phép chia.

- Củng cố cách tìm kết quả phép chia.

- HS yếu: Biết gọi tên theo vị trí, thành phần và kết quả của phép chia.

#### B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$2 \times 5 = 10$$

$$10 : 2 = 5$$

BT 3/24

- Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài - - > Ghi.

2- Giới thiệu tên gọi của thành phần và kết quả của phép chia:

- GV nêu phép chia:  $6 : 2 = ?$

- GV chỉ vào từng số trong phép chia và nêu tên gọi:

$$\begin{array}{ccccccc} 6 & : & 2 & = & 3 & & \\ \text{Số bị chia} & & \text{Số chia} & & \text{Thương} & & \end{array}$$

- Kết quả của phép chia (3) gọi là thương.

- Chú ý:  $6 : 2$  cũng gọi là thương.

- Gọi HS nêu một VD về một phép chia, gọi tên từng thành phần trong phép chia đó.

#### 3- Thực hành:

- BT 1/25: Hướng dẫn HS làm:

	Số bị chia	Số chia	Thương
$6 : 2 = 3$	6	2	3
$12 : 2 = 6$	12	2	6

Bảng lớp (2 HS).

$$6 : 2 = 3$$

HS nêu.

2 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét, bổ sung. Tuyên

$18 : 2 = 9$	18	2	9	dương nhóm thắng. Bảng con 2 phép tính. Làm vở, làm bảng. Nhận xét. Đổi vở chấm.
- BT 2/25: Hướng dẫn HS làm:				
$2 \times 7 = 14$		$2 \times 8 = 16$		
$14 : 2 = 7$		$16 : 2 = 8$		
<b>III- Hoạt động 3 (5 phút):</b> Củng cố - Dặn dò.				
$16 : 2 = 8$ ; $20 : 2 = 10$				HS nêu SBT, ST, T.
- Giao BTVN: 3,4/24				
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.				

Thứ ba ngày 19 tháng 02 năm 2008

**TOÁN. Tiết: 112**  
**BẢNG CHIA 3**

**A- Mục tiêu:**

- Lập bảng chia 3. Thực hành chia 3.
- HS yếu: Thực hành chia 3.

**B- Đồ dùng dạy học:** Chuẩn bị các tấm bìa có 3 chấm tròn.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$12 : 2 = ?$  và gọi tên thành phần.

$8 : 2 = ?$  Kết quả của phép chia.

- Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

**2- Giới thiệu phép chia 3:**

- Ôn tập phép nhân 3.

GV gắn 4 tấm bìa, mỗi tấm bìa có 3 chấm tròn. Hỏi tất cả có bao nhiêu chấm tròn?

- Hình thành phép chia 3:

Trên các tấm bìa có 12 chấm tròn. Mỗi tấm có 3 chấm tròn.

Hỏi có bao nhiêu tấm bìa?

Ta làm ntn?

Từ phép nhân 3 là:  $3 \times 4 = 12$ , ta có phép chia 3 là:  $12 : 3 = 4$ .

Từ  $3 \times 4 = 12$ , ta có  $12 : 3 = 4$ .

Miệng.

$3 \times 4 = 12$ .  
12 chấm tròn.

4 tấm bìa.  
 $12 : 3 = 4$ .

### 3- Lập bảng chia 3:

Hình thành một vài phép chia như SGK bằng các tấm bìa có 3 chấm tròn như trên.

HS tự lập bảng chia. Học thuộc lòng.

### 4- Thực hành:

- BT 1/26: Hướng dẫn HS làm:

$$9 : 3 = 3$$

$$3 : 3 = 1$$

$$12 : 3 = 4$$

$$6 : 3 = 2$$

$$15 : 3 = 5$$

$$21 : 3 = 7$$

Miệng.

HS yêu làm bảng.

Nhận xét.

- BT2/26: Hướng dẫn HS làm:

**Giải:**

Số lít mật ong có trong 1 bình là:

$$18 : 3 = 6 \text{ (l)}$$

ĐS: 6 l.

Làm vở. Làm bảng. Nhận xét, bổ sung. Đổi vở chấm.

- BT 3/26: Hướng dẫn HS làm:

2, 3, 6, 4, 7, 10, 9, 8, 5, 1.

Thảo luận nhóm.

ĐD làm. Nhận

xét.

**III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô - Dẫn dò.

- Trò chơi: BT 4/26.

- Về nhà học thuộc lòng bảng chia 3- Nhận xét.

2 nhóm. Nhận

xét.

## CHÍNH TẢ. Tiết: 45 BÁC SĨ SÓI

### A- Mục đích yêu cầu:

- Chép chính xác, trình bày đúng tóm tắt truyện: Bác sĩ sói.

- Làm đúng các BT phân biệt: /n; uơc/.

- HS yêu: Chép chính xác, trình bày đúng tóm tắt truyện: Bác sĩ sói.

**B- Đồ dùng dạy học:** Ghi sẵn nội dung đoạn chép, vở BT.

**C- Các hoạt động dạy học:**

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: gieo lúa, rơm rạ, chèo bẻo.

Nhận xét- Ghi điểm.

Bảng con, bảng lớp (3 HS).

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

**2- Hướng dẫn tập chép:**

- GV đọc bài chép từng câu đến hết.

- Tìm tên riêng trong đoạn chép?

- Lời của Sói được đặt trong dấu gì?

2 HS đọc lại.

Ngựa, Sói.

Dấu ngoặc kép.

- Luyện viết từ khó: chữa, giúp,...
- GV chép nội dung đoạn chép lên bảng.

### 3- Chấm, chữa bài:

- Hướng dẫn HS dò lỗi.
- Chấm bài: 5- 7 bài.

### 4- Hướng dẫn HS làm BT:

- BT 1/18: Hướng dẫn HS làm:  
a- **nối liền, lối đi, ngọn lửa, một nửa.**
- BT 2b/19: Hướng dẫn HS làm:  
+uoc: thước kẻ, trước sau...  
+uot: mượt mà, suốt mượt...

### III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố - Dặn dò.

- Cho HS viết lại: trời giáng.
- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

HS nhìn bảng viết vào vở.

Đổi vở dò.

Bảng con.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét.  
Tự chấm vở.

Bảng con. Nhận xét.

## KỂ CHUYỆN. Tiết: 23 BÁC SĨ SÓI

### A- Mục đích yêu cầu:

- Dựa vào trí nhớ và tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện.
- Biết dựng lại câu chuyện với các bạn trong nhóm.
- Tập trung theo dõi bạn kể, kể tiếp lời bạn. Biết nhận xét.
- HS yếu: kể lại được từng đoạn câu chuyện.

### B- Các hoạt động dạy học:

**I- Hoạt động 1 (5 phút):** kiểm tra bài cũ: Một trí khôn hơn trăm trí khôn.

Nhận xét- Ghi điểm.

**II- Hoạt động 2 (30 phút):** Bài mới.

**1- Giới thiệu bài:** GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

### 2- Hướng dẫn kể chuyện:

- Dựa vào tranh kể lại từng đoạn câu chuyện.
- Gọi HS đọc yêu cầu.

Hướng dẫn HS quan sát tóm tắt các sự việc trong tranh.

+Tranh 1 vẽ cảnh gì?

+Ở tranh 2 Sói thay đổi hình dáng ntn?

+Tranh 3 vẽ cảnh gì?

Kể nối tiếp (4 HS).

Quan sát.  
Ngựa đang gặm cỏ.

Sói mặc áo khoác trắng, đội mũ...

Sói ngon ngọt, dụ